

Bài 171. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Đại Phẩm (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 27/05/2019

Hôm nay chúng ta học kinh mới, nhưng trước hết quay lại kinh cũ một chút, vì hôm qua chúng tôi nghỉ hơi sớm.

Ôn lại bài kinh Con đường đến bờ kia, nói về giáo lý Duyên khởi. Nói về giáo lý Duyên khởi thì bắt buộc chúng tôi phải quay lại công thức quý vị đã học xưa giờ.

Thứ nhất, do vô minh duyên hành mới có hành duyên thức.

Vô minh là sự không biết gì về Bốn Đế, bốn sự thật. Sự thật đầu tiên là không biết mọi sự ở đời là khổ. Trong bất cứ một tình huống, môi trường, hoàn cảnh, điều kiện nào thì mọi hiện hữu của chúng ta trên đời này đều là khổ hết. Tôi nhắc lại, trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tức là dầu sướng khổ, sang hèn, giàu nghèo, trí ngu... dầu là gì đi nữa thì hễ có mặt ở đời là khổ. Dầu cảnh giới nào, trong điều kiện hoàn cảnh nào đều là khổ mà chúng ta không biết chuyện đó.

Chúng ta cứ hiểu chữ “khổ” theo nghĩa rất cạn và nghèo. Tức là khi nào ta bị cái gì bất toại mới gọi là “khổ”. Khi nào tôi muốn mà không được mới gọi là “khổ”. Tôi phải gần cái người tôi ghét, tôi xa cái người tôi thương, rồi bệnh, chết mới là “khổ”. Hiểu như vậy là mới hiểu một góc thôi. Cái câu cuối cùng mới là sâu: “Sự có mặt của năm uẩn là khổ” rồi quý vị.

Chính vì không hiểu rằng mọi hiện hữu là khổ cho nên chúng ta không hiểu sự thật thứ hai, nghĩa là “mình có thích cái gì cũng là thích trong khổ”. Từ đó mới dẫn đến sự thật thứ ba là “muốn hết khổ thì đừng tiếp tục thích trong khổ nữa”. Và khi sống được trong nhận thức về ba sự thật đó thì coi như chúng ta đang có mặt trên con đường thoát khổ. Khi chúng ta tu tập Bát Chánh Đạo có nghĩa chúng ta đang từng phút, đang từng giờ sống trong ba nhận thức đó.

Một, mọi sự là khổ.

Hai, thích cái gì cũng là thích trong khổ.

Ba, muốn hết khổ thì đừng thích trong khổ nữa.

Bốn, khi liên tục, thường trực từng giờ từng phút sống trong nhận thức như vậy, đó là chúng ta đang có mặt trên con đường thoát khổ, tức là Đạo Đế.

Khi không hiểu được bốn sự thật này được gọi là vô minh trong Bốn Đế. Chính từ vô minh trong Bốn Đế nó mới dẫn đến hai thái độ sống.

Một là chúng ta trốn khổ tìm vui bằng tất cả ác nghiệp: tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi, sát sanh, trộm cắp, lừa đảo, lật lọng... làm cho người khác phải rơi lệ, đổ máu, v.v... và v.v...

Thái độ sống thứ hai cũng là do vô minh trong Bốn Đế: chúng ta trốn khổ tìm vui bằng cách tu tập các hạnh lành, khá hơn hạng một: bố thí, trì giới, phục vụ, sống vị tha, nghe pháp, trau dồi kiến thức, quan điểm tín ngưỡng, quan điểm xã hội, quan điểm dân tộc, quốc gia, v.v... Chúng ta làm tất cả các điều lành chỉ vì nhằm mục đích là cầu quả nhân thiên.

Như vậy, do vô minh trong Bốn Đế mới dẫn đến hai thái độ sống. Đó là sống ác và sống thiện. Lẽ ra đối với một người hiểu được Bốn Đế là gì thì dĩ nhiên họ vẫn tiếp tục sống thiện, nhưng họ sống thiện không phải để cầu quả nhân thiên, mà họ sống thiện chỉ vì không thể sống ác. Khi mình hiểu được Bốn Đế mình không thể sống ác được, mà chỉ có thể sống thiện thôi. Họ sống thiện để hướng tới quả giải thoát không còn thiện, ác, buồn, vui nữa.

Như vậy ở đời có ba nhóm người. Nhóm một trốn khổ tìm vui bằng các tội lỗi hại mình hại người. Nhóm thứ hai trốn khổ tìm vui bằng các việc làm lành lánh dữ. Nhóm thứ ba cũng làm lành lánh dữ nhưng không phải để trốn khổ tìm vui mà là để không còn thiện, ác, buồn, vui. Nhóm này là hiếm nhất.

Chính vì có vô minh trong Bốn Đế nên mới có các nghiệp thiện ác. Từ nghiệp thiện ác mới có các tâm đầu thai vào các cõi. Bắt đầu mở ra vấn đề rồi. Khi có nghiệp thiện ác mình bắt đầu có tâm đầu thai vào các cõi, có nghĩa là khi mình làm các nghiệp ác là mình đã tạo ra một lô tâm đầu thai đi về các cõi khổ: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, a-tu-la. Khi mình làm các việc lành thì mình đã chuẩn bị tâm đầu thai về các cõi vui như cõi người, cõi Dục Thiên, Phạm Thiên.

Như vậy, từ nghiệp thiện ác mới dẫn đến tâm đầu thai về các cõi. Từ chuyện có tâm đầu thai mình mới có mặt ở các cõi. Khi mình có mặt ở các cõi mình mới có chuyện sở hữu các căn. Có nghĩa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vấn đề bắt đầu mở sâu rộng thêm rồi đó.

Giờ trở lại kinh này. Chú giải nói rất rõ: “Xúc là một phần riêng biệt. Xúc Tập khởi là một phần riêng biệt. Xúc Diệt là chặng giữa cũng là một phần riêng biệt. Vấn đề ở đây, ái chính là sự kết nối giữa ba cái riêng biệt ấy”.

Trong bản tiếng Việt dịch “Ái là người thợ dệt...”, dịch vậy không có sai nhưng mình bị tối nghĩa. Ở đây phải hiểu: “Xúc là một phần riêng biệt, Xúc Tập khởi là một phần riêng biệt, Xúc Diệt là một phần riêng biệt”. Tại sao vậy?

Ở đây có cách nói vậy: lẽ ra chúng ta có sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi... không thể nào tránh được sáu xúc hết. Tức là có con mắt thì có sự tiếp xúc giữa con mắt và cái để thấy: hình ảnh, hình dáng, màu sắc. Có lỗ tai thì phải có cái để mình nghe: tiếng động, âm thanh, xa gần, dễ nghe hay khó nghe, rõ hay không rõ. Như vậy, có sáu căn đương nhiên có sự tiếp xúc giữa sáu căn, tức là sáu xúc. Vị Phật cũng vậy, Ngài cũng có sáu căn và Ngài cũng có sáu xúc.

Nhưng vấn đề ở Ngài và mình khác nhau chỗ này. Ở Ngài cái nào nó ra cái đó. Ngài đang đi trên đường thì Ngài biết là đang đi. Một cái lá rơi xuống, Ngài biết là cái lá rơi xuống. Ngài không đi xa hơn nữa như mình. Còn mình, từ chuyện nhìn thấy chiếc

lá, bắt đầu mình thích hay là ghét. Mình nghĩ đến bao nhiêu chuyện để mình thích hoặc mình ghét.

Thích là sao? Mình thấy trong một buổi chiều vàng nắng hạ có một chiếc lá vàng rơi trong cơn gió chiều mát mát hiu hiu, nó gợi nhớ mình bao nhiêu chuyện xưa cũ. Hoặc nó làm mình miên man hoài vọng về một ngày mai trùng phùng tái ngộ với ai đó. Hoặc là mình đang đắm đuối miên man trong một buổi chiều vàng tuyệt đẹp mà chỉ vì một chiếc lá thôi, mà nó dắt mình về một phương trời xô giạt, phải nói là rối rắm như vậy.

Nhưng Đức Phật thì không. Ngài đi chỉ là đi thôi. Ngài thấy chỉ là thấy thôi. Cái lá chỉ là cái lá thôi. Ngài không có đi xa biên biệt như mình. Cho nên đối với Ngài, xúc là một chuyện rất là riêng.

Xúc Tập khởi đây là gì? Chữ “Tập khởi” ở đây chỉ cho sự đắm mê trong xúc. Giới là gì? Nói gọn thì

Giới luật nói là “tu xúc” cũng được, là “tu thọ” cũng được.

Tu xúc là sao? Là hạn chế không để sáu căn làm việc, phải đối mặt với quá nhiều cảnh trần. Thí dụ, trong Luật cấm tỳ kheo không nên gặp gỡ hạng người nào; không nên xuất hành ra khỏi trú xứ vào thời điểm nào; không nên lui tới những nơi chốn nào.

Trong thực phẩm cũng vậy. Có những món tỳ kheo được ăn, có những món tỳ kheo không được ăn. Và vào thời điểm nào tỳ kheo được ăn, vào thời điểm nào tỳ kheo không được ăn. Loại thực phẩm nào tỳ kheo được ăn và loại thực phẩm nào tỳ kheo không được ăn.

Nhớ kỹ nghe: nơi chốn, đối tượng gặp gỡ, thời điểm, ăn. Mặc cũng vậy, loại y áo nào tỳ kheo được phép mặc, loại y áo nào tỳ kheo không được phép mặc. Chỗ ở, trú xứ cũng vậy. Có chỗ ở, trú xứ tỳ kheo nên ở, có chỗ tỳ kheo không nên ở.

Như vậy, toàn bộ giới luật, nếu cần, mình có thể nói gọn lại chỉ là lộ trình làm việc với sáu xúc thôi, không có gì hơn hết. Tức là không để mắt của mình tiếp xúc với những cái không cần thiết, thậm chí nó có thể gây phương hại cho đời sống tâm tư. Cho nên nói tu là tám muôn bốn ngàn pháp môn, là Tam tạng, là 37 Bồ-đề phần, là Bát Chánh Đạo, là Tam học, bla bla bla... nhưng nếu nói gọn thì tu hành chỉ là lộ trình, hành trình làm việc với sáu xúc thôi.

Mà làm việc bằng cách nào? Tức là cái nào để yên cái đó. Thấy chỉ là thấy thôi, đừng có suy diễn thêm nữa. Mình khổ là vì mình suy diễn nhiều quá. Chỉ nghe câu nói của ai đó, mình về mình tư tưởng, dệt mộng để thương nhớ, tương tư, hoài vọng, tưởng tiếc. Như vậy, chỉ một câu nói để mình sống nhiều với tham.

Rồi đôi khi chỉ một câu nói, mình sống nhiều với sân. Có nghĩa một câu nói người ta vô tình hay hữu ý mà buổi tối mình về mình gặm nhấm, thấm thía, tiêu hóa một mình mình. Mình nghĩ họ nói vậy là họ đã xúc phạm mình, họ đã làm tổn thương mình, đã coi thường, đã hạ bệ mình, v.v... Chỉ là một câu nói thôi mà mình đi quá xa.

Cho nên ở đây mới nói, hãy nhớ “xúc” là một cái rất riêng biệt. Cái niềm đam mê trong xúc rất riêng biệt. Còn “xúc diệt” là tu làm sao để mai mốt không còn sáu căn nữa. Không có sáu căn thì làm gì có sáu xúc. Các vị nghe kịp không?

Cho nên “xúc diệt” đây chính là hành trình Bát Chánh Đạo. Sẵn đây tôi cũng nói luôn là tùy văn cảnh, tùy bài kinh mà chúng ta hiểu. Có chỗ “xúc diệt” hiểu đây là sự biến mất của sáu xúc. Có chỗ “xúc diệt” đây chính là Niết-bàn. Tùy chỗ mà hiểu, nhe!

Nhưng cái gì đã nối kết tất cả những thứ này lại? Chính vì chúng ta không hiểu được mỗi thứ là riêng biệt mà chúng ta gom chung lại, chúng ta gán lên đó một cái mác, cái nhãn: đây là ông A, đây là bà B. Thay vì mình hiểu cá nhân nào, nam phụ lão ấu, đẹp xấu, giàu nghèo, tất thảy đều là từng phần riêng biệt cộng ghép nhau mà ra.

Tôi nói không biết bao nhiêu lần, không hề có một chiếc xe trong đồng phụ tùng, và không hề có món phụ tùng nào trong một chiếc xe. Vì khi đã gọi là xe thì tất cả phụ

tùng được ráp lại hoàn chỉnh, lúc đó không gọi là đồng phụ tùng mà lúc đó phải gọi là chiếc xe. Nhưng khi mình tháo rời nó ra thì chiếc xe biến mất, mà lúc đó chỉ còn đồng phụ tùng thôi.

Ở đây cũng vậy. Lẽ ra mình phải hiểu từng phần: nhãn xúc, nhĩ xúc... nó là từng phần riêng biệt. Còn đảng này mình gom chung nó thành một đồng, mình gọi đó là ông A, là bà B, là tôi, là ta, là chúng tôi, là chúng ta. Ai mà đụng tới cái khối này coi như là họ đã xúc phạm, họ đã làm tổn thương mình. Lớn chuyện là chỗ đó.

Và cái gì đã dẫn đến nhận thức đó? Đó chính là do vô minh trong Bốn Đế. Từ vô minh trong Bốn Đế mới dẫn đến tà kiến, thấy sai; đến tham ái, sự chấp chặt, đam mê, đắm đuối. Mà hễ có đam mê, đắm đuối, đương nhiên có bất mãn. Bất mãn chính là tâm sân. Bất mãn là một tên gọi khác của “khố”.

Chính vì vô minh trong Bốn Đế, chúng ta mới có hiểu lầm này nọ. Chính vì có hiểu lầm nên mới có ghét thương, mới có đam mê và bất mãn. Trong khi mình phải hiểu rằng mọi thứ nó là một phần riêng biệt.

Và ai, cái gì đã gắn kết mọi thứ thành một khối? Nói tắt đó là “ái”. Ở đâu có “ái”, ở đó có vô minh. Ở đâu có “ái”, đương nhiên ở đó còn khả năng sanh tử. Cho nên sự kết nối đây có hai nghĩa.

Một là nó kết nối sáu căn vốn dĩ không tội lỗi với sáu trần vốn dĩ không tội lỗi. Nhưng chính vì “ái” gắn kết hai thứ này lại, nó trở thành ra một cái tội lỗi. Thích một cái gì đó là một tội lỗi. Bất mãn trong một cái gì đó là một tội lỗi.

Mặc dù nói theo ngôn ngữ thế gian thường tình, chữ “tội lỗi” ngoài đời nó khác. Tội lỗi là cái gì đó xã hội, đạo đức, pháp luật lên án, dư luận lên án thì cái đó gọi là tội lỗi. Nhưng riêng trong Phật pháp, cái gì do phiền não thúc đẩy, cái gì có thể tạo ra quả xấu của đời sau, cái đó được gọi là tội lỗi.

Theo trong kinh Phật, một ruộng muối cũng là muối, một lu muối cũng là muối, một muống muối cũng là muối, một hạt muối cũng là muối. Đó là Phật pháp.

Còn kiểu “tội lỗi” ngoài đời phải là một tô muối, một thùng muối, một lu muối, một ruộng muối mới là muối. Còn một muống muối, một hạt muối thì họ không kể. Các vị biết, đừng coi thường một muống muối. Các vị nào coi thường thì thử tưởng tượng đi: trong một ly nước lọc mình uống, mình bỏ vô một muống muối, thì đối với mình nó nhiều hay ít? Khó nói lắm, nghe! Ly nước lọc mà bỏ cả muống muối vô, hình như nó hơi nhiều.

Còn một hạt muối nhiều hay ít? Tôi nghĩ cũng tùy chỗ. Có chỗ nó cũng lớn lắm chứ không phải nhỏ đâu. Thí dụ quý vị đang ngủ mà tôi bỏ một miếng muối hột vô miệng quý vị thì nhiều hay ít? Tôi thấy hình như hơi nhiều. Như con mắt mình, mình chỉ búng vào đó chút xíu muối bột thôi là mình thấy 12 ông trời.

Cho nên muối muôn đời là muối, dầu ít cách mấy, dầu nhiều cách mấy vẫn là muối. Tội lỗi dầu ít hay dầu nhiều cũng là tội lỗi. Hãy nhớ rõ ràng vậy. Từ đây về sau đừng hoang mang thắc mắc là: “Không biết tui đi chùa tui bực mình như vậy là có tội hay không?”. Khởi cần thắc mắc. Cứ nhớ thế này:

“Một muống muối nằm cạnh lu đường thì muống muối ấy vẫn cứ là muối. Một muống đường nằm cạnh lu muối thì muống đường ấy vẫn cứ là một muống đường”. Đây là công thức rất là khoa học.

Cho nên chính vì không có trí tuệ, nhận thức hiểu biết Bốn Đế, không biết mọi sự là khổ, không biết thích cái gì cũng là thích trong khổ, cho nên người ta tiếp tục đầu tư trong khổ. Chẳng qua người ta trốn cái khổ này, đi tìm lối thoát bằng cách là đến cái khổ khác thôi.

Mà điều này nếu không học Phật pháp thì người ta không biết điều quan trọng như vậy.

“Xúc là một phần riêng biệt, mà niềm đam mê trong đó cũng là một cái gì riêng biệt”.
Tại sao có niềm đam mê đó? Chính vì tham ái là sự kết nối mọi thứ với nhau.

Trong kinh có giai thoại: Ngày kia có hai vị tỳ kheo ngồi nói chuyện với nhau. Một vị thì nói tội lỗi trầm luân là do sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi mà ra. Một vị thì nói tội khổ trầm luân là do sáu trần: sắc, thanh, khí, vị mà ra. Hai vị này đều phạm hết. Thì có vị cư sĩ đặc quả Thánh tình cờ nghe được. Vị ấy xin góp ý:

“Thưa ngài, mắt, tai, mũi, lưỡi không có tội. Sắc, thanh, khí, vị, xúc, những gì ta nghe, thấy, ngửi, nếm, đụng cũng không có tội. Cái tội chính là ở chúng ta. Khi mắt thấy, tai nghe mà chúng ta đem lòng đam mê thì cái tội khổ trầm luân nó nằm ở chỗ đó. Giống như con bò trắng nó là cái gì đó rất riêng biệt, con bò đen nó là rất riêng biệt. Mà sở dĩ hai con bò này dính chùm với nhau là bởi chúng được kết nối bằng một sợi dây, thưa hai vị”.

Câu chuyện này cũng na ná bên Thiền tông Bắc truyền. Có câu chuyện là ngày kia Tổ Huệ Năng trong thuở cơ hàn vô danh, nghe hai vị tăng nói chuyện với nhau. Một vị nói là lá cờ phất phơ. Một vị nói là do gió thổi phất phơ. Một cái là lá phướn động, một cái do gió động. Thì Tổ Huệ Năng nói: Không phải phướn động, cũng không phải do gió động, mà do tâm các vị động. Các vị thấy nó động thì nó động.

Ở đây mình thấy bài kinh này, xuống dưới thì cũng vậy, ở trên nói về “xúc”, ở dưới nói về ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

Quá khứ đã trôi qua, hãy để nó trôi vào dĩ vãng. Tương lai nó chưa đến, hãy để tương lai ngủ yên, đừng khuấy động tương lai. Hãy sống hết mình với hiện tại.

Hết mình đây nghĩa là sao? Có nghĩa là sống chánh niệm.

Tôi nói thật với bà con, khi bà con là một hành giả rốt ráo sẽ thấy chúng ta quả thật không có nhiều thời giờ để mà tưởng tiếc quá khứ. Chúng ta cũng không dư thời gian

để hoài vọng tương lai. Chúng ta chỉ làm việc với ngay hiện tại là đã bỏ hơi tai rồi, thừa quý vị.

Chúng ta chỉ ghi nhận hơi thở vào ra, ghi nhận cảm giác buồn vui, dễ chịu khó chịu, ghi nhận tâm thiện tâm ác, ghi nhận mình đang muốn gì, đang bức mình với cái gì; mình đang đi, đứng, nằm, ngồi; mình đang nhai, nuốt, tắm rửa, co tay, duỗi tay; mình đang mặc áo quần, tiểu tiện. Chỉ sống chánh niệm là mình đã hết thời gian rồi.

Để sống chánh niệm là đã không đủ thời gian rồi. Nhưng chính vì kẻ phàm phu không có tu tập, không học Giáo pháp, không hiểu được cái đó, cho nên chúng ta mới làm mất hiện tại bằng cách đợi nó trở thành quá khứ mới quan tâm, hoặc quan tâm quá sớm khi nó chưa đến. Cứ nghĩ nhiều về tương lai và tiếc nuối quá khứ. Một đời chúng ta là một đời lằm lổ, lổ lằng, dở dang là chỗ đó.

Cái hiện tại để nó trôi đi, qua rồi tưởng tiếc. Cái chuyện này xảy ra thường lắm, quý vị. Khi chúng ta có nhau, chúng ta coi thường nhau, chà đạp nhau, xúc xiểm, báng bổ, làm tổn thương, xúc phạm nhau. Khi mất nhau rồi chúng ta tiếc thương nhau thì khi đó hình như đã muộn.

Có bao nhiêu người con biết quý mẹ, biết quý cha, quý ông bà khi các bậc trưởng thượng ấy còn sống? Đợi họ khuất núi rồi bắt đầu mình mới tiếc: Tại sao bữa đó không chịu khó đi chuyển tàu về đã gặp? Tại sao bữa đó sợ trời tối? Tại sao hôm đó sợ tuyết rơi? Tại sao hôm đó giận làm chi câu nói của mẹ? Tại sao hôm đó phiền chi câu nói của cha để rồi không chịu về?

Bây giờ họ về đất họ nằm, giờ mình có ra mộ nằm đó khóc ba ngày đêm cũng được gì đâu. Tại sao ngày xưa ngoại còn mà không thương ngoại? Tại sao ngày xưa anh còn, chỉ còn, em gái mình còn, mình thương, để giờ họ mất? Tại sao ngày xưa mình nói chi câu nói đó? Tại sao ngày xưa mình có thể nghĩ bậy về nhau như vậy? Tại sao ngày xưa mình có thể có hành động kỳ cục như vậy?

Chúng ta toàn là sống như vậy không, thưa quý vị. Đa phần chúng ta dành phần lớn thời gian cho cái chuyện cũ.

Tiếp theo là chúng ta dành thời gian cho những trù hoạch, toan tính cho tương lai. Không có ai sống hết mình trong hiện tại. Trong khi đó chúng ta biết rằng thời gian để mình sống chỉ là những gì đang diễn ra trước mắt. Khoảng thời gian ấy chỉ là từng tích tắc, tích tắc, tích tắc. Các vị nhớ dùm cái này mới thấy run.

Trong đây phân tích rất rõ: “Tương lai là cái gì đó rất riêng. Hiện tại là cái gì đó rất riêng. Quá khứ là cái gì đó rất riêng. Những gì ta thấy là cái gì đó rất riêng”.

Lạc khổ cũng vậy. “Lạc” là lạc, “khổ” là khổ. Lạc là cái gì dễ chịu. Khổ là cái gì đó khó chịu. Do quả lành đời trước giờ ta được hỷ lạc. Do quả khổ đời trước bây giờ ta bị khổ ưu. Cái dễ chịu nó chỉ là dễ chịu, đừng đi xa hơn nữa. Cái khó chịu nó chỉ là cái khó chịu, đừng đi xa hơn nữa.

Đừng tiếp tục tạo nghiệp mới trên cái quả cũ. Đừng tiếp tục tạo nhân mới qua cái quả cũ nữa, đầu cái quả này là quả lành hay quả ác. Bởi vì sao? Vì chúng sanh không tu tập thích làm ác hơn làm thiện, nhưng tới lúc chịu quả thì thích quả thiện hơn quả ác.

Vậy cái “ngu” thứ nhất là thích làm ác hơn làm thiện. Cái “ngu” thứ hai là thích hưởng quả thiện mà rất sợ quả ác. Bậc Thánh không có cái thích lẫn cái ghét sợ này. Mình làm, mình tạo nhân thì thích tạo nhân ác hơn tạo nhân thiện, mà lúc hưởng quả thì khoái hưởng quả thiện hơn quả ác.

Cái thứ ba là chúng ta đón nhận quả thiện bằng tâm tham mà đón nhận quả ác bằng tâm sân. Tức là “ngu” triple, ba lần ngu.

Lần ngu một là thích làm ác hơn làm thiện.

Lần ngu thứ hai là thích quả thiện hơn là quả ác.

Lần ngu thứ ba là khi hưởng quả thiện là hưởng bằng tâm tham mà hưởng quả ác thì hưởng bằng tâm sân.

Cho nên ở đây Ngài nói rất rõ: “Lạc” hãy để nó là “lạc”. Nó là một phần rất riêng. “Khổ” nó là cái gì đó rất là riêng, chớ đừng cộng ghép nó lại để dệt nó thành cái gì đó hay ho là lớn chuyện lắm. Nhe!

Mình may mắn được sanh ra mình đẹp. Hãy để cái đẹp đó dừng tại đó, đừng để cái nhan sắc làm các tội ác. Mình sanh ra mình giàu có, mình thông minh, khỏe mạnh, thì ok, giàu là giàu, hãy dùng cái giàu đó tiếp tục làm việc thiện mới. Chớ đừng dùng cái giàu đó để hưởng thụ, để tiếp tục đam mê, chìm đắm, gục mặt cúi đầu trong đó, để rồi tiếp tục vay thêm nợ mới cho đời sau kiếp khác. Nhe!

Cho nên đây nói rất rõ: “Quá khứ là cái đã qua, bỏ đó đi, hãy tập trung cho cái hiện tại.”

Tương lai là cái chưa đến, quên nó đi, hãy tập trung cho cái hiện tại.

Nhiều người hiểu lầm cái này. Họ tưởng đạo Phật là chủ trương tu hành phủ nhận quá khứ. Không phải! Quên quá khứ ở đây phải hiểu thế này: là đừng nghĩ về quá khứ một cách không cần thiết.

Tôi nói thiệt chậm chỗ này. Nghĩ về quá khứ để mà tham, để mà giận là không nên. Nghĩ về quá khứ để mà đau khổ là không nên. Khi cần thiết, chúng ta nhắc đến quá khứ vì đó là kinh nghiệm quan trọng, vì đó là một bài học quan trọng, thì nên nhắc về quá khứ. Còn nếu nhớ về quá khứ để mà phiền não, để mà thích, để mà ghét, để mà giận, sợ, ghen tuông, tỵ hiềm... thì không nên!

Tương lai cũng vậy. Chúng ta là người tu Phật không phải phủ nhận tương lai. Nhưng chúng ta không nên nghĩ về tương lai bằng kiểu hoài vọng, u mê, mù quáng của người không biết đạo. Đầu tư cho một cái mù mờ chưa thấy rõ thì cái đó không nên.

Nhưng nếu chúng ta có những trù hoạch, những kế sách thông minh cho tương lai một cách cần thiết, đặc biệt ở đây tôi đang nói đến đạo giải thoát, nhe. Tôi không nói đến chuyện làm ăn ở ngoài đời. Mà đầu cho ngoài đời cũng vậy. Chúng ta chỉ nên vọng về tương lai một cách cần thiết, chứ không thể nào một tay cầm cọc vé số mà nhìn cái villa dẹt mọng một ngày nào đó mình có cái hồ bơi, có chiếc xe hơi đắt tiền, mình có một resort riêng tư, thì cái đó là hơi đi quá xa.

Cho nên nhớ, bài kinh này rất là sâu. Ở đây Ngài dạy: “Sáu căn là sáu căn. Sáu xúc là sáu xúc. Sáu trần là sáu trần. Đừng kết nối nó lại bằng niềm đam mê trong đó, chỉ là gieo khổ mà thôi.”

Tôi nói đi nói lại không biết là bao nhiêu lần, đạo Phật không phải bôi tro trét trấu cuộc đời. Đạo Phật không nói xấu cuộc đời. Ngài không bi quan hóa cuộc đời. Ngài không nói cuộc đời này là máu lệ, mà Ngài chỉ nói mọi thứ không có bền. Chúng ta có đầu tư bao nhiêu thứ cũng đâu có giàu có, có thông minh, có nhan sắc... (mất âm thanh) ... sống bằng cái tâm tình, cái sức khỏe, bằng tâm trạng lơ dờ của một người tám mươi, chín mươi, một trăm tuổi, đó là chuyện trước mắt.

Chưa kể là chúng ta cứ đam mê trong đó thì đời sau kiếp khác tắt thở rồi chúng ta về đâu có trời biết, làm con giun, con dế.

Dân xứ lạnh không biết nhiều về cội trầm luân bằng dân xứ nóng. Bên Thụy Sĩ bây giờ kêu tôi đi kiểm cái chỗ nào có côn trùng để bốc hai, ba con làm mẫu rất là khó. Nó lạnh mà nó sạch quá mà! Trong khi đó về châu Á, cầm cái thuổng, cái mai chọt xuống đất bật lên một cái là biết bao nhiêu con ở dưới. Mình mới biết: “Ồ, thì ra cái cội trầm luân nó rùng rợn như thế này.”

Bên Thụy Sĩ làm gì có chuyện nhìn xuống cống mình gặp lúc nha lúc nhúc. Bên châu Á, đặc biệt là Sài Gòn, ba cái thứ con ruồi, con nhặng, lăng quăng, trùn chỉ dày đặc ở dưới. Còn trên khô, trên cạn, cứ chọt cái mai, chọt cái thuổng xuống dưới, moi lên là

đủ thứ con ở dưới. Một đồng lá mục, một đồng rác, một đồng phân là biết bao nhiêu cái con lúc nhúc, loi nhoi ở dưới. Nhìn cái đó mới thấy sợ!

Tôi nhắc lại. Đam mê mà không tạo công đức thì chỉ có thể về những cảnh giới thấp kém tương ứng với niềm đam mê ấy. Có đam mê mà có tu hành thì đời sau sanh ra được về các cõi nhân thiên tương ứng. Tôi nói không biết bao nhiêu lần. Thích ăn ngon mà có tu hành thì sẽ sanh làm người có lộc ăn. Thích ăn ngon mà không có tu hành sẽ sanh làm loài ăn tạp, làm cái loài sống trong đồng rác, đồng phân.

Cái gì hôi hôi nó đều đậu lên hết. Cái gì tanh tanh, cái gì nhớt nhớt, ẩm ẩm, dơ dơ là nó đều đậu lên hết, sống chui rúc trong đó. Có nghĩa là nó cũng thích thú, cũng đam mê trong cái ăn đó chứ, trong cái mùi, trong cái vị đó chứ. Nhưng vì nó không có tu nên nó làm cái loài như vậy.

Còn người có tu hành, nếu có tập khí thích ăn ngon thì đưa họ về các cõi nhân thiên làm người có lộc ăn. Thích mặc đẹp, trang điểm, thích vẻ ngoài mà có tu hành sẽ sanh làm người có nhan sắc, có quần là áo lụa. Còn thích đẹp, thích chưng diện mà không có tu hành thì làm các loài sắc sỡ, diêm dúa, lòe loẹt. Chỉ vậy thôi!

Bài kinh này dạy mình nhớ cái nào để yên cái đó, đừng có kết nối nó với nhau bằng niềm đam mê, đắm đuối trong đó, chỉ là chuốc khổ mà thôi. Cái chữ “cực đoan” phải hiểu nó là “một phần riêng biệt”. Và “người dẹt vải” ở đây phải hiểu là “kết nối”. Nhe.

Bài kinh này rất là sáng: mọi thứ hãy hiểu nó như từng phần riêng biệt thì chúng ta không thấy lớn chuyện. Mà khi chúng ta nghĩ nó là một khối, một đồng, một tổng hợp thì lúc đó nó mới ra chuyện. Tôi nói hôm qua đó. Có hai cách để giải quyết vấn đề:

Một là bạch hóa vấn đề, tức là soi rọi không còn để lại góc khuất.

Hai là giải quyết vấn đề bằng cách chia nhỏ nó ra. Chia nhỏ vấn đề tự nhiên nó nhỏ thôi. Chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không.

Thí dụ như tại sao có câu nói đó? Thay vì mình làm lớn chuyện, nói là tại vì ông đó ác ý với mình, ông ghét mình lâu lắm rồi. Đây là cơ hội để ông phang vô mặt mình, phun vô mặt mình câu nói xúc phạm làm tổn thương như vậy. Đó là mình không chịu nhỏ nó ra.

Còn nếu mình nhỏ nó ra thế này:

Thứ nhất, ai không có lúc lỡ lời.

Cái thứ hai, con người mà, có lúc làm “con”, có lúc làm “người”. Có lúc phần “con” nó nhiều hơn phần “người”. Mặc dù gọi chung con người, nhưng thường phần “người” ít hơn phần “con”. Khi nào phần “con” làm chủ thì ảnh nói bậy. Khi nào phần “người” làm chủ thì ảnh nói đàng hoàng. Chỉ vậy thôi. Mình chia nhỏ vấn đề nó ra thì nó bớt “điên” đi.

Chưa kể nói theo A-tỳ-đàm rất ráo thì trong từng phút trôi qua, thân và tâm chúng ta luôn luôn biến diệt, trôi chảy không ngừng từ tình trạng này sang tình trạng khác. Chúng ta luôn luôn trở thành một cái mới. Cho nên chữ “bhuta” trong tiếng Pali rất là hay. “Bhuta” có nghĩa là “trở thành”. Chúng ta luôn luôn trở thành một cái gì đó.

Còn chữ “ái” đây là (...) là “người dệt vải”. Các vị thấy không? Từng cọng chỉ rời rạc nhưng được gọi là một tấm vải là bởi vì từng cọng chỉ ấy được gom lại, được kết lại, nối lại, đan lại, khâu lại, gắn lại với nhau thành ra cái mà ta gọi tấm vải.

Ở đây cũng vậy. Ở đời mọi sự là rời rạc, chúng do các duyên mà có, có rồi phải mất. Nhưng sở dĩ chúng ta có thích, có ghét, có thấy cái này nó quan trọng, thấy cái kia nó lớn chuyện là chính vì chúng ta đã đem cái nhìn phiến não của mình để mà kết nó lại với nhau. Chúng ta đã...

Đem cái ngộ nhận của mình mà kết chúng lại với nhau cho nó trở thành quan trọng, cho nó trở thành lớn chuyện. Và cái anh đầu đàn trong chuyện kết nối ấy chính là tham ái. Ở đâu có thích, ở đâu có ghét, ở đâu có bất mãn thì ở đó có đau khổ. Như vậy, từ đó suy ra: tham ái chính là cội nguồn đau khổ.

Tôi nói không biết là bao nhiêu lần. Bữa nay ôn lại trước khi qua bài kinh mới.

Tại sao nói tham ái là gốc của khổ? Nó tới 1.001 lý do.

Một, do có tham ái, có thích, mới dẫn tới một loạt khổ sau đây:

Do có thích nên mới có đầu thai các cõi.

Do có thích mới tạo các nghiệp thiện ác, từ đó đi về các cõi tương ứng.

Đó là nghĩa một, tức là tham ái tạo tái sanh.

Thứ hai, chính do tham ái mới dẫn tới chuyện muốn mà không được. Bởi vì các vị tướng tượng trong đời mình có bao nhiêu cái thích mà các vị bất toại? Rất nhiều. Tính theo tỷ lệ, cái mình muốn ít nhất một triệu, mà cái mình được là bao nhiêu trong một triệu ấy? Tự quý vị hiểu.

Tôi ghét nhất là cái người mở miệng ra như thánh. Như kỳ rồi có bà đó nói: “Con không có thích gì hết. Con không có thích gì hết á”. Thì một là bả xạo bậc thầy, còn hai là bữa đó bả ngu bậc thầy, bả không có thấy ra được. Thích chứ làm sao không thích? Thích từm lum hết.

Ngay cả một tu sĩ, chớ hỏi vị ấy tu sĩ có muốn sở hữu cái này, muốn sở hữu cái kia không? Giới luật đã ghi không cho phép sở hữu này nọ. Quan điểm xã hội và cái nhìn của Phật tử là không đồng ý cho vị sa môn sở hữu cái đó. Nhưng giờ đóng cửa hỏi nhỏ ông coi ông có khoái cái đó hông. Nếu mà ông gan, ông phải nói thiệt: “Thích chứ”. Nhe, may là tu sĩ đó!

Như vậy, trong đời chúng ta biết, vì tham ái chúng ta thích tùm lum. Mà trong bao nhiêu cái thích ấy, chúng ta có bao nhiêu cái bất toại, chúng ta có bao nhiêu cái như ý? Chúng ta nghĩ kỹ lại đi. Tham ái đâu là khổ ở đó.

Tiếp theo, thích là phải đi tìm. Hành trình kiếm tìm là hành trình gian khổ. Tìm được rồi, phải bảo quản, gìn giữ, đó lại là một hành trình gian khổ. Bảo quản, gìn giữ không được lại là một hành trình gian khổ. Giữ được rồi nhưng mà mình không còn thích nó nữa lại là một hành trình gian khổ. Tin tôi đi, nghĩa là rõ đâu khổ đó.

Muốn không được là khổ. Muốn là phải kiếm tìm là khổ. Kiếm tìm không được là khổ. Tìm được rồi phải giữ là khổ. Giữ không được cũng là khổ. Giữ được rồi mà ta không còn muốn giữ nó nữa cũng là khổ. Yah, có trường hợp đó.

Hồi đầu làm đủ cách để có được nó. Có được rồi, vào ra nhìn nó ớn quá. Đó là cái nhà mình không muốn ở nữa, cái xe mình không muốn ở nữa, cái người mình không muốn sống cùng nữa. Đôi giày, đôi dép mình lỡ mua đem liệng được, nhưng có nhiều thứ trong đời này mình đã chán nó rồi, không biết làm sao giải quyết. Nhiều khi mình chán cái bản mặt của mình, mình soi gương mình thấy: “Trời ơi, sao mình xấu dữ thần vậy”. Bây giờ làm sao, lấy dao mà gọt nó à? Cho nên cứ ái ở đâu là khổ ở đó.

Nó nhiều lắm, tôi chỉ làm gọn thôi.

Tại sao thích là gốc của khổ? Là bởi vì cứ một cái thích thì nó sẽ tạo ra vài ba cái ghét đối lập.

Thí dụ tôi thích êm ấm thì tôi sẽ ghét bất cứ cái gì mà nó không được êm ấm: chỗ ngồi, chỗ nằm, chiếc xe, chiếc tàu. Bất cứ chỗ nào của tôi mà nó không được êm, không được ấm như tôi muốn là nó trở thành cái nguồn khổ cho tôi thôi, mà chính vì tôi là người thích êm ấm.

Tôi thích mát mẻ cho nên tôi không thích nực nội. Tôi thích rộng rãi, thông thoáng cho nên tôi không thích chật chội, tù túng. Tôi thích ấm áp nên tôi không thích lạnh

lẽo. Tôi thích cao ráo nên tôi không thích cái gì thấp, lùn. Đại khái vậy, cho nên hễ tôi thích cái gì đó thì đương nhiên là có cái ghét đối lập.

Cái ghét nó không có một đâu nhe, mà tôi thích một cái gì đó thì tôi sẽ có tới 10 cái ghét đối ngược lại. 10, 20, 30, 45... nhe, nhớ cái đó!

Cho nên hễ “ái” ở đâu là “khố” ở đó. Phải xé nó ra ban hành vậy mình mới hiểu: “Ồ, thì ra ái là khố, ái là gốc của khố”. Mà trong kinh gọi “ái chính là người dệt vải” là vậy đó. Ảnh đi kết hết cái này, kết cái kia, ảnh gom hết lại tạo dựng lên cái tượng đài. Để làm chi? Để mình thấy trong đó có “tôi”, có “chúng tôi”, “ta”, “chúng ta”, “họ”, “bọn họ”, “chúng nó”.

Từ chỗ có “bỉ thử” mới bắt đầu có phe phái, có biên giới. Biên giới về địa dư, lãnh thổ, dân tộc, biên giới về chủng tộc, giống nòi, về văn hóa, về tôn giáo, chính trị, xã hội, tư tưởng, bla bla bla... Từ khi chúng ta nghe chữ biên giới thì chúng ta thấy đồng nghĩa với “ngăn cách”. Ngăn cách bắt đầu đồng nghĩa với tương tranh. Tương tranh nhẹ thì mâu thuẫn, nặng thì chiến tranh, là máu lửa, can qua, binh biến. Đấy, mọi sự từ đó mà ra. Học cái kinh này mới run. Học mà hiểu sâu thấy run gớm!

BÀI KINH 62 - KINH CẢM HỨNG

Có một vị tỳ kheo kia hỏi ngài A Nan: “Có phải Thế Tôn đã dốc lòng trù rửa Đề Bà Đạt Đa không?”

“Trù rửa” là sao? Có nghĩa là con người ta đang ngon lành, cái Ngài nói là Đề Bà Đạt Đa sẽ đi địa ngục. Cái chữ “dốc lòng” ở đây là “ác ý”.

Ngài A Nan mới đem thưa lại Đức Phật câu chuyện đó. Đức Phật có câu trả lời ngài A Nan, hỏi rằng:

“Này A Nan, tỳ kheo nói với người có phải là người mới tu, hay đã tu lâu mà không có trí tuệ. Một người như Ta làm sao có thể làm cái chuyện trù rửa người khác, nói chi là dốc lòng để mà trù rửa người khác. Này A Nan, trước đây khi Ta tuyên bố rằng

Đề Bà Đạt Đa sẽ bị sa đọa là Ta có cơ sở, Ta có căn cứ. Ta thấy con người đó không còn có thể cứu vãn được cho nên Ta mới nói như vậy”.

Mà Ngài nói như vậy không phải là để trừ rửa ai hết, vì lòng đại bi trong nhiều kiếp quá khứ, chỉ vì để cứu mạng Đề Bà Đạt Đa, dầu lúc đó Đề Bà Đạt Đa đang là kẻ thù của Ngài, kẻ thù đoạt mạng, chứ không phải kẻ thù nhẹ nhẹ. Rất nhiều kiếp Đề Bà Đạt Đa là kẻ thù đoạt mạng Ngài mà Ngài còn hy sinh mạng sống để cứu Đề Bà Đạt Đa, nói gì kiếp cuối cùng Ngài là một vị Phật, quý vị.

Tôi nói này, trong room nhiều vị không tin, nghĩ trên đời làm gì có người tốt như vậy. Xin thưa, có, tôi tin. Tại sao tôi tin? Bởi vì qua sử mình thấy có thánh Gandhi, thấy có bà Theresa. Các vị đọc kỹ về thánh Gandhi, về ngài Huyền Trang, đọc đi thì mới thấy. Mà nếu đọc con người mình không tin thì thấy đá vô tri mình tin.

Tại sao có kim cương? Nó phải trải qua một thời gian bao lâu đó, hàng triệu năm, trong một nhiệt độ như thế nào đó, trong một áp suất như thế nào đó, nó mới hình thành ra viên kim cương. Thì con người với nhân cách cũng vậy.

Cái nhân cách con người cũng là một quá trình trui rèn. Ai có khả năng trui rèn, người đó trở thành kim cương, thành cẩm thạch. Còn không khả năng thì thành thứ tào lao.

Hôm trước đi Miến Điện, chúng tôi có ghé chỗ Fossil Museum, fossil là hóa thạch. Có dịp chúng tôi thấy rất nhiều khúc gỗ hóa thạch cực đẹp. Phải nói là đẹp cực kỳ, nhìn thấy từng thớ, từng vân gỗ trên đó rõ ràng, sắc nét, không nghi ngờ gì hết, không sai chạy được. Có điều nó nặng như đá, nó cứng như đá, và đương nhiên bây giờ nó đã là đá. Nó phải trải qua thời gian như thế nào, trong một điều kiện đặc biệt nào đó, nó mới trở thành vật thể phi thường như vậy, đắt tiền, quý hiếm như vậy, đáng ao ước như vậy. Nhe!

Thì nhân cách của vị Phật cũng vậy thôi. Trong Kinh nói tại sao lâu lâu mới có vị Phật ra đời? Là bởi vì tìm được cái kẻ có lòng tri ân đối với người đã tốt với mình đã

là hiếm, nói chi tìm được kẻ thương được người dưng càng hiếm hơn. Chưa hết, thương được người dưng không hiếm bằng thương được kẻ mình không ưa. Nhưng thương được kẻ mình không ưa nó dễ hơn là thương luôn kẻ mà không ưa mình. Trong room có phân biệt được không ta?

Hạng thứ nhất là tri ơn. Tức là mình nghĩ tốt, làm tốt, nói tốt về người đã tốt với mình. Đó là đã hiếm rồi.

Hạng thứ hai là thương được người dưng. Có nghĩa là người không có ân oán gì với mình hết. Cái này còn hiếm hơn.

Rồi cái khó thứ ba nữa là thương được cái kẻ mà mình không thích.

Cái thứ tư mới mệt, là thương được kẻ không thích mình.

Cái kẻ mình không thích nó nhẹ hơn cái kẻ không thích mình. Hai cái này khác nhau nhiều lắm. Vậy mà Ngài ai Ngài cũng thương hết. Trước hết Ngài là người tri ơn, là người biết ơn. Một trong những đặc điểm của Bồ tát là tánh tri ân. Đặc điểm của bậc hiền trí nói chung là tánh tri ân. Ngài thương được người ân đã đành. Thứ hai là Ngài thương được người dưng, người không ân oán gì hết. Bước ba là Ngài thương được những người mà Ngài không thích, vì còn phàm mà. Bước thứ tư là thương được kẻ không thích Ngài. Bước năm là thương được kẻ mà chỉ muốn giết mình. Không thích thì còn chưa rõ ràng không thích cỡ nào, chớ còn tới bước năm mới ghê: thương được kẻ mà nó có ý giết mình mà vẫn thương được nó. Phải có khả năng đó trong nhiều kiếp, trong vô lượng kiếp, chớ không phải một kiếp làm mẫu cho vui, cho chụp hình quay phim để viện bảo tàng. Mà phải nhiều kiếp, vô lượng kiếp như vậy, nhe!

Vô lượng kiếp tu được cái hạnh đó. Một là có lòng tri ơn với người hữu ơn. Hai là thương kẻ không ân không oán với mình. Ba là thương kẻ mình không tin. Bốn là thương được kẻ không thích mình. Và năm, thương được kẻ muốn giết mình. Năm cái này mà làm được trong vô số kiếp, vô lượng kiếp thì mới có thể thành Phật được, thừa quý vị. Khó lắm!

Chỉ riêng cái đầu tiên là lòng tri ơn mình đã không có rồi. Các vị đừng nói với tôi các vị là người có tính tri ơn. Tôi không tin. Lòng tri ơn mình dễ phai phôi, nhạt nhòa, dễ bị thử thách lắm quý vị.

Thí dụ như tôi đã nói nhiều lần, mỗi ngày tôi cho các vị 1.000 đô la và tôi tới hầu hạ các vị như má ruột của tôi. Quét nhà, nấu ăn, chăm sóc từ ly trà, đĩa trái cây tráng miệng. Tối trước khi quý vị ngủ, tôi còn cho quý vị ngâm chân bằng nước nóng, tôi kỳ cọ từng ngón chân. Tôi để khăn trên đùi tôi, tôi lau khô chân quý vị, để quý vị vào giường ngủ. Nếu xứ nhiệt đới có muỗi thì tôi thả màn, giăng màn, hầu quạt, máy lạnh khi ẩm lạnh. Rồi tôi nằm dưới chân giường, chờ đêm hôm các vị có kêu gì hay không. Mà mỗi ngày tôi đều đưa quý vị 1.000 đô la hết. Rồi tôi hầu như bà cố nội tôi. Và tôi làm như vậy trong suốt 10 năm trời. Các vị biết, hầu hạ vậy 10 năm trời đâu phải dễ!

Đến năm thứ 11, tự nhiên tôi không làm như vậy nữa. Tôi chuyển qua làm như vậy, hầu hạ y chang như vậy với người khác, mà không hầu hạ quý vị nữa. Các vị nghĩ coi có chịu nổi không? Trước hết là buồn, tủi, giận, ghen tị. Nhưng cái rốt ráo là gì? Các vị không chịu nổi cái mặt của tôi nữa. Các vị chỉ muốn tôi chết đi thôi. Còn cái chuyện 10 năm qua là coi như vất đi. Các vị không cần tìm hiểu lý do, không cần phải suy tư đắn đo, cứ việc nghĩ rằng tôi không còn như xưa nữa. Tôi đã có người khác, như vậy tôi đã chết. Đời tôi đã tiêu rồi!

Trong khi bậc hiền trí, bậc Bồ tát thì không. Một chén cơm cho Ngài, một đời Ngài không quên. Đừng nói là 10 năm hầu hạ kiểu đó. Còn phàm phu mình dễ ẹt hà. Dễ quên lắm, nhe! Bản thân tôi nè. Biết bao nhiêu người cũng giúp tôi đó, mà tôi dễ kiếm cái cớ tôi quên họ lắm. Mà bản thân tôi đâu phải thứ đâm trâu thuốc chó, đâu phải cùng hung cực ác. Mà tự nhiên nó vậy. Nó quên dễ quá đi. Họ cực, họ thương, họ mến, họ quý mình biết bao nhiêu, mà chỉ cần họ có cái gì đó làm mình phiền một cái là mình đối với họ bấm nút xóa nhòa họ đi. Delete tức khắc!

Tôi quay trở lại để nói về Đức Phật. Đức Phật vĩ đại như vậy thì làm sao có chuyện trù rửa Đề Bà Đạt Đa. Ở bài Kinh khác cũng nói về Đề Bà Đạt Đa, Ngài nói rằng:

“Này các tỳ kheo, trên đời có những người lọt xuống hố sinh, hố phân. Có người chỉ ngập tới mắt cá thôi, ta cứu được. Họ bị ngập tới đầu gối, ta cứu được. Họ ngập tới thắt lưng, ta cứu được. Họ bị ngập tới ngực, ta cứu được. Tới cổ, tới cằm, ta cứu được. Họ bị ngập tới trán, ta cứu được. Họ còn ló cái búi tóc, ta còn biết đường ta nắm ta cứu. Nhưng có những người họ bị lọt xuống dưới, một sợi tóc cũng không ló lên thì làm sao ta biết đường ta cứu.”

Ở đây cũng vậy. Trong Kinh chia rất rõ. Có những người ác nhiều hơn thiện. Có những người thiện nhiều hơn ác. Có những người thiện ác đồng đều. Có ba hạng người như vậy.

Hạng mà thiện ác đồng đều 50-50 thì cũng còn cứu được. Hạng thiện nhiều hơn ác thì khỏi nói rồi, nhưng cái hạng ác nhiều hơn thiện thì khó lắm, khó lắm! Bởi vì cái nhiều ở đây mình khó nói lắm. Tám, mười thì cái mười nó nhiều hơn tám. Nhưng mà cái nhiều hơn thiện nó có thể là một phần một tỷ, một trên một triệu, một trên một ngàn. Khó nói lắm!

Có những người trong Kinh điển Bắc truyền gọi là nhất-xiển-đề, âm Hán, tiếng Phạn là “icchantika”, nghĩa là “người hết hy vọng, vô phương hy vọng”: iccha là hy vọng, antika là kết thúc.

Trong Kinh điển Nam truyền thì không có hạng người này, không có người nào là hết hy vọng hết. Vấn đề là nó lâu thôi. Thí dụ 1.000 kiếp,

500.000 đại kiếp, 1 triệu đại kiếp, 1 tỷ đại kiếp, 1.000 tỷ đại kiếp nữa thì họ cũng có cơ hội họ đi lên. Chớ trong Phật pháp mình thì không có tình trạng ai đó là vĩnh viễn thiên thu, thì không. Còn bao giờ thì chỉ có chư Phật biết, chớ mình không có biết. Mình không thể phán ai đó là “nhất xiển đề” được.

Nhưng tôi nhắc chữ này để nói về Đề Bà Đạt Đa. Thời gian ông Đề Bà Đạt Đa sơ phát Bồ đề tâm lâu gấp đôi ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên chỉ sơ phát Bồ đề tâm, cầu đạo giải thoát chỉ trong một a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp. Tổng thời gian từ lúc sơ phát Bồ đề tâm cho đến khi gặp Phật rồi chứng quả, thì ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên phải mất một a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp. 100.000 đây là số lẻ.

Riêng vị Phật Độc Giác thì phải mất hai a-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp. Mà ông Đề Bà Đạt Đa, ông đã tu hai a-tăng-kỳ, tu gấp đôi ngài Xá Lợi Phất. Nhưng vì ông chỉ một chút tị hiềm với Bồ tát Thích Ca Mâu Ni.

Trong quá khứ từng có một lần ông oan trái với Ngài trong chuyện làm ăn. Ông hiểu lầm và cho rằng Ngài gian tham. Kiếp xưa ông và Ngài đều đi buôn đồng nát. Ông đi trước Ngài một đoạn khá xa. Tới một nhà nghèo nọ, có hai bà cháu đem ra cái mâm bằng đồng bán để đổi gạo. Ông gõ gõ, cạo cạo cái mâm, biết đây là cái mâm bằng vàng. Nhưng ông tham, ông hỏi hai bà cháu muốn bán bao nhiêu. Hai bà cháu đưa ra giá tiền, ông nói mắc quá, rồi giả vờ bỏ đi, với ý nghĩ lát sau quay lại trả giá mua chỉ một đồng thôi, thay vì 5 đồng như họ muốn.

Nhưng khi ông đi khỏi thì Bồ tát Thích Ca Mâu Ni vừa tới. Hai bà cháu cũng đem cái mâm ra, Bồ tát xem kỹ rồi nói: “Cụ ơi, cái mâm này bằng vàng. Cháu nói thiệt, hết tất cả quần áo, tiền bạc và cái gánh ve chai này đưa hết cho cụ cũng không đủ”.

Bà cụ nói: “Trời ơi, đói quá không có gạo ăn, bây giờ nghe nói vậy mừng lắm. Cứ đưa hết cái cụ có là tôi mừng rồi. Với lại tôi thương cụ. Chớ ai như cái ông hồi nãy chỉ trả có ba xu, bốn cắc, năm hào”.

Bồ tát nghe vậy mới dốc hết đưa cho bà, chỉ còn lại bộ đồ trên người thôi, rồi ôm cái mâm đi. Bao nhiêu đó là Bồ tát về đổi đời, bỏ hẳn nghề đồng nát, làm đại gia luôn.

Thì lúc đó Ngài ra đến bến sông lên đò. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa quay trở lại, biết Bồ tát đã mua cái mâm, ông tất tả đuổi theo đến bến đò. Lúc đó Bồ tát đã ra giữa sông thì

ổng kêu ơ ơ trong tuyệt vọng. Ổng kêu thì kêu chớ rất vô lý. Bởi ổng kêu vậy để làm cái gì? Anh buồn đồng nát, tôi cũng buồn đồng nát. Bây giờ anh mua được món đồ đó, tôi mua hụt thì tôi chịu. Mà ổng cứ kêu lại vì tâm lý tiếc của, vì cho rằng Bồ tát giựt mối của ổng.

Cho nên ngay trên bến sông đó ổng thề: nếu còn có kiếp sau thì nhà mi đi đến đâu ta không tha đến đó. Đời đời kiếp kiếp nếu còn có tái sinh thì mi đi đến đâu ta cũng không tha. Chỉ vì cái mâm đó thôi, quý vị! Đời đời sanh ra gặp Bồ tát là ổng không ưa. Có một kiếp, do nghiệp luân hồi mà Bồ tát làm con của ổng, là hoàng tử mà ổng là vua cha. Mà ổng vừa nhìn Bồ tát, vừa nhìn hoàng hậu bỗng Bồ tát là ổng kêu người đem giết liền. Ổng ghét quá ghét đi!

Chỗ này tôi phải làm nhân chứng sống cho bà con thấy, tôi cũng vậy. Có một vài người ngộ lắm, trong thời gian tôi đi dạy học, tôi vừa chớm thấy cái mặt họ là tôi thấy ghét rồi. Nó kỳ vậy đó. Nó lạ lắm. Liếc nhìn đã thấy ghét rồi, mặc dù họ không ăn của cha gì mình, họ không chọc ghẹo gì mình mà nhìn thấy ghét. Họ mở miệng là mình thấy ghét.

Ngược lại tôi cũng vậy. Có nhiều người họ thấy cái mặt tôi họ đã ghét. Như cái cô Nhị Tường gì đó. Chắc do xích mích gì đó, mà với ai chớ không phải với tôi. Tôi muôn thuở là người vô can. Các vị biết mà. Tôi lo cho Kalama. Tôi sợ cái gì mà nó phương hại cho Kalama, tôi không dám nhúc nhích, không dám thờ mạnh. Tôi cầu cho sóng lặng gió êm. Tôi như người nín thở mà qua sông vậy đó. Vậy mà cũng không được tha là sao? Tôi chỉ đành phải niệm cái câu: Bồ tát còn như vậy. “Nam mô hai chữ Từ Bi. Phật còn lâm nạn huống chi thầy chùa”.

Ở đây Phật dạy rằng: “Hãy tu như thế nào đừng để mình thành một đối tượng vô phương cứu chữa”.

Nguyên bài kinh chỉ có một câu đó thôi. Chỉ vậy thôi quý vị, nhe!

Và một chuyện nữa là đừng lấy bụng tiểu nhân mà đo lòng quân tử. Ông Đề Bà Đạt Đa chuốc khổ gánh nạn chỉ vì ông lấy lòng dạ chật hẹp của ông mà ông nhận xét, ông quan sát Bồ tát. Cái đó là điều rất bậy.

Nếu huệ căn của chúng ta, túc duyên chúng ta quá mỏng, không đủ để thành Thánh thì chí ít chúng ta cũng nên nhớ một điều, đó là chính mình chịu trách nhiệm toàn bộ những gì mình nói, làm và suy tư. Kẻ thù hại kẻ thù, oan gia hại oan gia không bằng tâm hướng tà gây ác cho tự thân. Không có kẻ thù nào ghê gớm, rùng rợn, khủng khiếp cho bằng cái bất thiện của chính bản thân mình.

Kinh Pháp Cú dạy:

“Kẻ làm các việc ác, đời đời sanh ra bị ác nghiệp xua chực chờ như kẻ thù rình rập sẵn”.

Gớm như vậy! Kẻ làm các điều ác, đời đời kiếp kiếp sanh ra thì nghiệp xấu quá khứ chực chờ họ như kẻ thù đang rình rập. Mà kẻ làm các hạnh lành, đời đời sanh ra được phước báo chờ đón như người thân chờ đón người thân từ xa mới về. Hai câu đó rất quan trọng.

Mình sống sao coi như mình vừa lọt lòng mẹ, bao nhiêu cái xui rủi, bất hạnh chực chờ đổ ập lên đầu mình. Sống ác quá mà. Nhưng mình sống như thế nào để khi lọt lòng mẹ, bao nhiêu cái may mắn chực chờ mình.

Các vị có biết không? Tôi 50 tuổi, tôi khởi dựng Kalama, tôi chỉ đề xướng chứ không có cất. Nhưng nếu Kalama thành tựu, đây là cái thành tựu duy nhất đầu tiên mà cũng là cuối cùng trong đời của tôi. Và cho đến bây giờ tôi không có cái trú xứ như là người ta đồn đại.

Ngày hôm qua tôi chỉ cho bà con thấy phía sau có bức hình Phật thôi mà người ta cũng châm chích tôi đủ điều. Lấy thơ của tôi để mà đập tôi mới ghê chứ. Đủ điều hết! Mà đây là cái chỗ đem cái trú xứ của tôi, các vị có nhìn thấy bàn Phật này không?

Đây không phải của tôi. Đây chỉ là chỗ tôi tạm trú thôi. Chỉ có khác là tạm trú mà không xin giấy tờ, giấy phép công an khu vực thôi.

Tạm trú nghĩa là khi nào tôi về đây là chỗ tôi làm việc. Khi tôi đi thì đây sẽ có người tới lui chăm sóc và sử dụng. Chớ các vị thấy hai chậu hoa màu tím này không phải là tông màu của tôi.

Nếu tôi làm được Kalama thì mặc dù một năm tôi về đó tới bây giờ tôi chưa biết là bao nhiêu phần trăm thời gian. Trong khi đó có những đứa bé ngay

Bây giờ nó mới chập chững thôi, nó đã có tám cái villa, mười lăm khu đất vàng đang chờ nó. Các vị biết cái đó mà, nghe! Rõ ràng là khi người làm công đức, đời đời sanh ra, phước cũ chờ đợi như người thân đón đợi người thân. Người làm các điều ác, đời đời sanh ra, bị các nghiệp xấu quá khứ chực chờ như kẻ thù rình rập.

Ở đây cũng vậy, có những người chưa thấy ánh nắng mặt trời mà mình phải hiểu ngầm là sẽ có bao nhiêu cái khổ nạn đang chực chờ họ. Thí dụ một bà mẹ lăng loàn, trắc nết, không ra gì; một người cha nhậu nhẹt bê tha, chè chén, bài bạc. Rồi một đám anh chị của nó cũng không nên thân. Thì mình thấy má nó cái bụng lúp lúp là đã lo rồi:

“Trời ơi, sao cái chỗ này con chun vô làm gì hả con? Bố không ra bố, mẹ không ra mẹ, anh chị không ra anh chị, nhà dột, cột xiêu như thế này mà tại sao con lại đâm đầu vô chỗ này vậy con ơi?”

Nhưng mà ác nghiệp đẩy nó tới đó. Để rồi bao nhiêu khổ nạn trần ai khoai củ chực chờ nó phía trước, tương lai mịt mù của nó, như cuộc đời chị Dậu.

Trong khi đó, có biết bao nhiêu đứa trẻ trên hành tinh này, ngay trong lúc nó nằm trong bụng mẹ. Ngay trong lúc má nó chưa chắc là đậu thai, chưa chắc là trai hay gái, thì nó đã có một đồng gia tài bất động sản, chứng khoán trong nhà băng đang chờ nó, để nó ra, nó làm ông cố nội của thiên hạ.

Rõ ràng mình thấy, khi người làm các hạnh lành thì đời đời sanh ra, các phước nghiệp cũ chờ sẵn họ như người thân đón đợi người thân.

Đề Bà Đạt Đa là người tu hành rất nhiều, nhưng xui cho ông là ông bị lạc lối một tí tí thôi. Lạc lối là đã gieo mầm thù oán với một người mà lẽ ra ông phải thương vô vàn. Nhưng mà vì ông ghét, cho nên giờ người đó là Phật ông vẫn ghét cho bằng được. Ông ghét cho đến ngày cuối cùng, khi ông cận tử hấp hối.

Có chi tiết phong thần là ông bị hổ sụp, hổ đè, trong giây phút cận tử ông mới ngộ ra mọi thứ. Giây phút cuối đời nó lóe sáng, ông ngộ ra. Tuy muộn nhưng còn hơn không. Thì lúc đó ông chấp tay nói:

“Con xin lạy Phật. Con xin lạy đấng Tối Tôn. Không ai có thể hơn được Ngài về lòng đại bi, đại trí.”

Có truyền thuyết cho rằng ông khẩn rằng, mai này xin chư Tăng xài đến bình bát thì hãy nhớ hình ảnh ông bị vờ sọ lúc cận tử. Trong Kinh ghi rằng một trăm ngàn đại kiếp nữa ông sẽ trở thành vị Phật độc giác tên là (...).

Vua A Xà Thế cũng vậy. Vua A Xà Thế lẽ ra đủ duyên chứng Sơ quả trong thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng vì chơi thân với Đề Bà Đạt Đa, bị xúi dục, ông giết cha. Vì nghiệp đó, ông bị trễ một chuyến đò chứng Thánh trong đời Đức Phật Thích Ca. Và phải đến hai a-tăng-kỳ nữa, nghĩa là Đề Bà Đạt Đa đã đi xong thời gian chắn, còn sót thời gian lẻ. Còn ông A Xà Thế là đi xong thời gian lẻ mà còn cả một thời gian chắn là hai a-tăng-kỳ nữa, A Xà Thế sẽ trở thành một vị Phật độc giác, tên là (...).

Còn Đề Bà Đạt Đa thành Phật độc giác tên là (...), nghĩa là “Bộ xương biết đi”. Trong Kinh nói, do cái nghiệp cũ của Ngài, Ngài khi thành Phật ốm tong ốm teo, ốm như một bộ xương, dị tướng dị dạng. Đã vậy, mỗi lần mở miệng ra, thối cả một vùng như vậy. Cho nên Ngài không muốn trụ thế để gieo nghiệp xấu cho chúng sanh nữa. Bởi chúng sanh thấy vậy tha hồ phỉ báng Ngài, vì đã dị kỳ tướng mà còn thêm khuyết

điểm kỳ quái kia nữa. Nên Ngài đắc xong rồi, Ngài về núi đứng một tuần thì Ngài tịch. Có nghĩa là chưa kịp một lần đi khát thực, vì không muốn gieo nghiệp xấu cho chúng sanh. Đắc Đạo rồi chưa kịp một lần đi khát thực. Chỉ trụ thế đứng một tuần rồi tịch luôn trong rừng sâu núi thẳm, chứ không đi khát thực một ngày nào hết, vì không muốn gieo nghiệp xấu cho chúng sanh. Chúng sanh nó thấy, phỉ báng, coi thường Ngài thì sẽ tàn đời của nó.

Các vị tướng tượng, đắc Đạo rồi mà chỉ vừa đủ thời gian để mà nhịn đói trong một tuần thôi, rồi thì chết. Nghe!

Cho nên hôm nay chúng ta có làm gì chúng ta cũng nhớ: đầu đó là con chó, con heo, đừng nói là con người, cái con chó, con heo đó tức duyên, cái Đạo căn của nó là loại gì không có biết, nói chi là con người. Lỡ có hờn giận, ghen tuông, tị hiềm mà ra tay cũng chừa đường, đừng làm cạn tài ráo máng. Mai này hai đứa gặp nhau trên đường đời, một là hai đứa nhìn nhau. Hai là nếu dòng sanh tử mà có tương phùng thì oan gia trái chủ một lẫn. Nghe! Đó là xong bài Kinh 62.

BÀI KINH 63 - MỘT PHÁP MÔN QUYẾT TRẠCH

Bài Kinh Quyết Trạch là bài Kinh sẽ được chúng tôi đưa vào trong quyển Thiền Môn Nhật Tụng Kalama. Chúng tôi đã soạn cho đến hôm nay, chúng tôi vẫn còn đang phân vân là không biết bao giờ mới đóng lại, khép lại bản thảo, vì hôm nay nó đã lên gần sáu trăm trang rồi, thừa quý vị.

Tôi nghĩ nếu mà nó lên tới một ngàn trang thì cũng không phải là quá nhiều. Chúng tôi sẵn sàng in thành hai cuốn. Vì sao? Vì đó là Tam Tạng tóm tắt. Trong đó gồm tất cả những bài Kinh mà tôi cho rằng khi ghép lại có thể làm nên diện mạo Phật giáo. Tôi nhắc lại, nội dung bộ này là những bài Kinh khi ghép lại đủ để làm nên cái diện mạo của Phật giáo.

Rất nhiều và rất nhiều bài Kinh mà chúng tôi lấy làm ngạc nhiên là không được nhắc đến trong sinh hoạt công phu thường ngày, nói chi là đem đi thuyết giảng rất là hiếm.

Lạ lắm!

Tôi có dịp được cầm trên tay vài quyển Kinh tụng của các đời, cách đây mấy chục năm, hoặc quyển mới vừa được biên soạn gần đây của Thái. Kinh tụng dành riêng cho tỳ kheo, cho sa di. Tôi cũng từng cầm trên tay quyển Kinh tụng của Phật giáo Khơ-me. Và đương nhiên tôi cũng cầm trên tay quyển Kinh tụng của Phật giáo Nam tông Việt Nam. Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì sao có quá nhiều bài Kinh mà nội dung giáo lý cốt lõi, cốt tủy, tinh hoa lại không được bỏ vào trong đó, mà lại chèn nhét quá nhiều bài Kinh thuần túy thần quyền. Thí dụ:

“Con kính lễ chư Phật hai mươi tám Chánh Biến Tri, một triệu Chánh Biến Tri.”

Rồi:

“Con xin oai lực của Tam Bảo hộ trì cho con được vô bệnh, được sống lâu.”

Rồi:

“Con xin hồi hướng chư Thiên, xin chư Thiên hộ trì cho con.”

“Con xin được sống lâu, phát tài, phát lợi.”

Gì tùm lum hết.

Tôi rất lấy làm lạ là tại sao Kinh điển quá hay mà mình cứ đi tụng tới tụng lui. Đã vậy còn đem in mới gớm chứ! Những cái đó, tôi xin nói rõ, các vị trong room có thể ngạc nhiên là: “Kinh mà tại sao ông sư dám chê Kinh?”

Tôi xin thưa, cái đó không phải Kinh, không phải Chánh Tạng. Những cái bài nội dung kỳ cục đó là do đời sau. Tôi nói thẳng luôn, đời nhà Thanh bên Trung Hoa có Ngọc Lâm quốc sư mà

Nhiều người Việt Nam đọc quyển “Thoát vòng tục lụy” của tác giả Từ Văn, do Hòa thượng Quảng Độ dịch, các vị tưởng Ngọc Lâm quốc sư là một nhân vật tiểu thuyết,

nhân vật huyền thoại. Không phải, đó là nhân vật lịch sử có thật.

Quyển sách đó là hư cấu, nhưng nhân vật Ngọc Lâm quốc sư là nhân vật có thật, là một vị trưởng lão tôn túc của Phật giáo nhà Thanh, được nhà Thanh rất trọng vọng. Vị đó đã biên soạn chương trình công phu cho Phật giáo tại Trung Quốc thời nhà Thanh. Và những kinh kệ, kinh nào kinh nào đó thì được Phật giáo Việt Nam giữ nguyên như vậy.

Thí dụ như tụng Chú Đại Bi, tụng chú Thủ Lăng Nghiêm gì đó vào kinh sáng, kinh khuya, hô canh kinh chiều gì đó, toàn bộ phần lớn là từ cái sắp đặt của Ngọc Lâm quốc sư bên nhà Thanh, rồi mình tha về mình xài.

Còn kinh lễ bái Tam Bảo bằng tiếng Pali mà mình thấy của người Thái, người Campuchia và Việt Nam đương nhiên — Việt Nam mình từ Miên về, Phật giáo Nam Tông từ Campuchia về — thì nguyên thủy rất nhiều bài tụng. Mà ngay cả bài nào trước, bài nào sau, mà đặc biệt đa phần các bài trong đó là do một vị hoàng tử Thái Lan đi xuất gia, ngài giỏi tiếng Pali, rồi ngài mới soạn mấy bài tụng đó.

Rồi do ảnh hưởng chính trị, kinh tế của Thái Lan, dĩ nhiên Campuchia họ tự nhận nhược tiểu, thì tinh thần nhược tiểu ấy nó thấm luôn trong giới Tăng sĩ. Và người ta lại thấy cái đó nó hay, giống như Việt Nam mình thích Trung Quốc: cái gì của Trung Quốc cũng hay. Mà thích Mỹ thì cái gì của Mỹ cũng hay. Mặc cái áo mà có lá cờ Mỹ nhỏ xíu bằng cái móng tay cũng hãnh diện, rồi cuối tuần dắt con đi ăn hamburger, ăn pizza cũng hãnh diện, thí dụ như vậy. Trong nhà có cái xe máy Tàu cũng hãnh diện, có xe Honda Thái ráp cũng hãnh diện.

Có nghĩa là mình trong tâm thức nhược tiểu thì mình hay “thờ” tùm lum lắm, quý vị biết không.

Lẽ ra kinh điển cứ lấy Chú giải, Tam Tạng ra đọc, đọc tới chết cũng không hết. Đằng này vì tâm thức nhược tiểu mà mình, Phật giáo Campuchia, Phật giáo Lào và từ đó là Phật giáo Việt Nam đã mặc nhiên chấp nhận đem “thờ” luôn mấy bài kinh công phu

như: “Con xin đánh lễ, Đức Phật là đấng Chí Tôn Chí Thánh” gì đó, mà toàn bộ đó là tha từ Thái Lan về!

Mình tưởng là hay, nhưng xin các vị nhớ dùm một điều: lễ Phật, niệm Phật, tin Phật, kính Phật, thờ Phật, lạy Phật, tất cả đều là hay. Nhưng hãy nhớ là Phật đã dạy cái gì, Phật đã hành trì cái gì và Phật muốn mình tu cái gì. Mình nên nhớ nhiều những điều đó, chớ không nên dành quá nhiều thời gian, ăn rồi réo gọi tán thán hoài.

Các vị mở dùm tôi bài kinh Nhật tụng xem, coi trong đó nội dung tu hành được bao nhiêu. Toàn là cầu khẩn, lạy lục không hà. Mà hễ nói ra thì chúng chửi. Khổ như vậy!

Nhiều người hiểu lầm, nói là tôi hay bài xích. Không phải! Nói theo đạo đó là lòng đại bi, nói theo ngoài đời là phải vì cái ưu thời mẫn thế, vì cái tâm tình hướng về dân tộc mà tôi nói. Mà vô tình lại gieo rắc sự hiểu lầm, rồi đâm ra rắc rối sau này. Mà trong khi chỉ cần họ bình tĩnh lại, nhớ rằng tôi mập béo gì khi tôi chỉ trích cái này cái nọ. Mà cái đó là sự thật mà, quý vị, nghe!

Cho nên tôi liếc thấy bên Làng Mai, bên Paris, của Hòa thượng Nhất Hạnh, họ cũng có sách Nhật tụng riêng. Tôi thấy chư Tăng Huyền Không họ cũng điều chỉnh lại nghi thức lễ Tam Bảo. Dĩ nhiên cũng quẩn quanh nội dung của miền Nam, nhưng các vị ngoài đó lại sử dụng thể văn vần, thể thơ như thơ lục bát, song thất lục bát, thí dụ vậy, hoặc thơ ngũ ngôn. Miền Nam mình đa phần tụng kinh văn xuôi. Nhưng tôi thấy bên Làng Mai có riêng, bên Huyền Không dầu gì cũng có cái riêng.

Ở đây chúng tôi tuyệt đối xin các vị hiểu dùm, không hề đòi cái riêng. Phật giáo tồn tại là vì chư Tăng không thích cái riêng. Chư Tăng quá mê cái riêng thì cái chung sẽ bị lãng quên. Mà lá cờ của Kalama hay quyển kinh tụng của Kalama hoàn toàn là cái chung. Tôi kéo níu mọi người hãy lìa cái riêng để về cái chung mà chúng cũng chửi tui. Khổ quá mà!

Thí dụ như tôi trích những bài kinh thiết hay trong Chánh Tạng mà tôi cho là cốt lõi, là tinh hoa của đạo Phật, đem về chị em chòm xóm sớm hôm công phu tụng với nhau,

để nhớ lời Phật dạy cái gì, thì thế nào cũng bị chúng chửi là tại sao không xài cái quyển của ngài Hộ Tông, ngài Pháp Tri. Khổ không? Họ tưởng cái đó là cái chung! Tôi lạy các bố, cái đó không phải cái chung. Cái đó là một mảnh vụn riêng tư của Phật giáo Campuchia.

Cái chung ở đây là cái gì mà trong Tam Tạng kinh điển, cái gì mà người Nhật, người Đức, người Anh, người Mỹ, người Pháp họ biết tới kìa. Chớ mấy cái bài kia Tây, Nhật, Đại Hàn, Do Thái họ có biết hay không? Dạ thưa không! Cái gì mà 26 thế kỷ qua các thế hệ Tăng và tục trên toàn cầu đã biết tới, tôi gọi cái đó là cái chung.

Thì cái quyển Nhật tụng Kalama bây giờ tôi nghĩ là phải 1.000 trang, giờ mới có khoảng 600 thôi. Phải 1.000 trang mới phỉ, mới hết cái lòng của tôi. Tôi gom vô đó hết.

Tôi nói kinh gì, thí dụ nghe. Thí dụ kinh “Người mù sờ voi” bằng bản Pali, in song ngữ, một bên tiếng Pali, một bên bản Việt. Bản Việt thì thằng Tèo, thằng Tý nào dịch cũng được, miễn là có bản Pali kế bên. Tôi xài chữ “thằng Tèo, thằng Tý” là có ý chớ không phải vô tình. Có nghĩa là một nhân vật vô danh cách mấy cũng được, nhưng làm ơn xin bản Pali kế bên.

Rồi kinh Kalama, rồi kinh Cái trống Anaka cũng phải có bản Pali.

“Cái trống Anaka” là sao? Phật dạy đời xưa có một cái trống rất nổi tiếng là cái trống Anaka, giống như trống đồng Ngọc Lũ Đông Sơn của mình. Rồi cái trống nó hư, người ta chấp vá dần những chi tiết thành phần của nó, đến khi nó không còn đúng như nguyên mẫu ban đầu, nhưng cái tên cũ vẫn còn. Sẽ có một ngày lời dạy của Ngài sẽ bị thay đổi, thêm thắt rất nhiều, nhưng trên danh nghĩa vẫn có tên là lời Phật, là Phật ngôn, Phật giáo, là đạo Phật.

Đó! Những bài kinh đó vẫn phải được kể, được in trong đó bằng tiếng Pali có kèm bản dịch Việt. Kinh Kalama, kinh Simsapa, kinh Vô ngã tướng, kinh Chuyển Pháp

Luân, kinh Nhất dạ hiền giả, kinh Thất giác chi, kinh Karinamanda, kinh Bốn niệm xứ, 24 Duyên hệ trong bản dịch mới, 12 Duyên sinh trong bản dịch mới.

Có một điều tôi rất tâm đắc đó là 24 Duyên hệ. Đây là bộ phận giáo lý tôi cho là đỉnh cao của trí tuệ. Trong kinh ghi thế này: khi giảng đến 24 Duyên hệ, Ngài giống như một kinh ngư bơi lội ở vùng biển sâu rộng nhất của đại dương.

Chỉ có 24 Duyên.

hệ mới làm phi được cái Trí Toàn Giác vô ngại của Ngài mà thôi.

Giáo lý Duyên hệ gồm hai phần. Phần một: Matika, tức là Mẫu đề. Phần hai là phần diễn dịch. Phần Mẫu đề là của Đức Phật, phần diễn dịch là của ngài Xá Lợi Phất.

Thì chúng ta sẽ có phần Mẫu đề của Đức Phật trong một bản dịch mới. Trong room này sẽ có người nhảy dựng lên, nói là: “Mẫu đề mà sao cần phải dịch?”

Dạ thưa, có thấy mới tin. Phải dịch như thế nào để cho một người mò củ co, củ ấu dưới đồng đem lên đọc văn hiểu. Đó là tâm nguyện lớn nhất của chúng tôi. Kalama sẽ là sân chơi cho những học giả có lòng cầu Đạo là chỗ đó. Tức là 24 Duyên hệ, dịch thế nào, ngôn ngữ như thế nào mà một người móc củ co, củ ấu, bán vé số bên lề đường, chỉ cần biết chữ ráp văn đọc văn hiểu.

Và tôi chỉ giới thiệu nhẹ cái nội dung 24 Duyên hệ đó cho một số bà con trong đây không biết 24 Duyên hệ là cái gì. Tôi chỉ nói sơ sơ thôi:

Vạn hữu, vạn vật, vạn sự ở đời đều do duyên mà có. Không có cái gì là ngẫu nhiên. Cũng không phải do một đấng cao siêu khuất mày khuất mặt tối cao nào sáng tạo, mà mọi thứ là do các duyên tạo ra. Đó là tinh thần gọn của 24 Duyên.

Trong 24 Duyên đó nói cái gì? Tôi chỉ lấy ra mấy duyên thôi. Mọi sự ở đời phải được hỗ trợ từ các điều kiện nó mới có mặt. Cái gì ở đời này nó cũng là cái “quả” của vô số những cái “nhân” khác, và bản thân nó lại là “nhân” cho vô số những “quả” khác.

Các vị hiểu không ta, nó hơi “chóng mặt” rồi đó. Các vị nghe lại. Cái gì ở đời này nó cũng được tạo ra bởi vô số điều kiện. Và bản thân nó lại là điều kiện để tạo ra vô số cái khác. Khi hiểu được cái này, chúng ta có những cái hiểu rất là hay:

1. Chúng ta sẽ sống trách nhiệm hơn. Bởi vì chúng ta thấy một câu nói, một suy nghĩ của mình có thể là điều kiện để tạo ra vô vàn những chuyện tốt xấu khác.

2. Khi hiểu mọi thứ do duyên thì cái lòng chúng ta mới có khả năng buông bỏ.

Trong 24 Duyên đó, chúng tôi chỉ kể 4 cái duyên mà tôi cho rằng dễ hiểu nhất, không cần giải thích nhiều.

Thứ nhất, có trường hợp nguyên nhân có trước mà hậu quả có sau, gọi là Tiền sanh duyên.

Có trường hợp hậu quả có trước mà nguyên nhân có sau thì gọi là Hậu sanh duyên.

Tức là có trường hợp A giúp B bằng cách có mặt trước thì gọi là Tiền sanh duyên. Thí dụ, do có bếp củi nên mới có khói, thì cái bếp củi là duyên có trước rồi khói là có sau. Là Tiền sanh duyên.

Còn Hậu sanh duyên là cái nhân có sau. Thí dụ chiều nay nhà mình có khách, cho nên bây giờ mình phải nấu ăn. Mà vì nấu ăn cho nên có khói. Như vậy, chiều nay có khách, khách là nguyên nhân, nhưng cái hậu quả là nhà mình có khói, nhà mình có nấu ăn.

Như vậy các pháp hỗ trợ nhau bằng nhiều cách: một là nó có mặt trước để nó hỗ trợ cái sau, nhưng có khi nó có mặt sau mà nó hỗ trợ cho cái có trước.

Trường hợp thứ ba là “nhân, quả” phải có mặt cùng một lúc. Thí dụ bác sĩ và bệnh nhân. Không bao giờ có chuyện có bác sĩ mà không có bệnh nhân. Khám bệnh phải có bác sĩ lẫn bệnh nhân. Không thể có một mình ông bác sĩ hay một mình bệnh nhân mà gọi là khám bệnh. Mà khám bệnh là bác sĩ và bệnh nhân cùng có mặt.

Trường hợp nhân quả cùng có mặt gọi là Câu sanh duyên.

Trường hợp thứ tư là Vô hữu duyên. Trường hợp một giúp nhau bằng cách có mặt trước. Thứ hai là giúp nhau bằng cách có mặt sau. Thứ ba giúp nhau bằng cách cùng có mặt. Còn trường hợp bốn là giúp nhau bằng cách vắng mặt.

Giúp nhau bằng cách vắng mặt là sao? Chính vì không có cái A nên cái B, C, F nó mới có mặt. Chính vì không có tiền nên mới có bao nhiêu cơ sự xảy ra. Thì chính vì sự vắng mặt của đồng tiền, nó là duyên cho vô số chuyện khác xảy ra.

Không có ly dị với người cũ, người cũ không vắng mặt thì làm sao có người mới? Không nhổ cái răng cũ thì làm sao có chỗ gắn cái răng giả vô? Không thay cái thận cũ thì cái thận mới gắn vô chỗ nào? Không bỏ nhà cũ thì nhà mới cất chỗ nào?

Cho nên đôi khi sự vắng mặt của cái này nó lại là điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ cho cái kia. Cho nên chữ “duyên” đạo Phật nói xuất sắc vô cùng! Tổng cộng là 24 duyên, tôi chỉ lựa ra 4 cái mà không cần giải thích một cách chuyên môn: giúp nhau bằng cách có mặt trước, giúp nhau bằng cách có mặt sau, giúp nhau bằng cách cùng có mặt, và giúp nhau bằng cách vắng mặt. Vắng mặt cũng là một cách giúp nhau.

Cho nên nếu ai đó làm phiền tôi quá, tôi chỉ gởi họ một tin nhắn thôi: “Con lạy bố, xin bố giúp con bằng cách là vắng mặt. Nói từ chuyên môn là Vô hữu duyên, là Ly khứ duyên”. Nói vậy là hiểu rồi.

Có một ngày mà ai đó đề nghị mình như vậy. Mình hiểu rồi: “Sư à, Sư giúp con bằng Ly khứ duyên nghe Sư” là tôi hiểu ngay. Hoặc: “Cô à, cô giúp tôi đi cô, bằng Vô hữu duyên đi cô” là tôi hiểu ngay, nghĩa là em biến khỏi cuộc đời của tôi. Tôi xóa tên em trong sổ bụi đời, rồi từ đây về sau cuộc đời tôi sẽ khá hơn.

Thì cái Kinh Quyết Trạch này là một trong những bài kinh sẽ được đưa vào Thiền môn Nhật tụng Kalama.

Đời tôi mong làm được ba chuyện. Chuyện thứ nhất, bà con không thấy A-tỳ-đàm đáng sợ. Thứ hai, không thấy Thiền quán là khó tu. Thứ ba, không thấy tiếng Pali là khó học. Cho đến bây giờ thì cái thứ ba vẫn chưa có điều kiện.

Tôi mong cho bà con thấy rằng A-tỳ-đàm là không đáng sợ. Tuệ quán không khó tu. Và thứ ba là tiếng Pali. Chỉ cần Pali, A-tỳ-đàm và Tuệ quán.

Con đường này không do tôi vạch ra mà chính là bà Achann Naeb. Bà là một cư sĩ người Thái. Bà tịch năm 82 hay 86 tuổi tôi quên, nhưng bà biết Đạo năm 36 tuổi. Từ ngày bà biết Đạo cho đến khi bà tịch, bà bỏ ra 40 năm học A-tỳ-đàm, dạy A-tỳ-đàm, học Vipassana, Tứ niệm xứ và dạy Tứ niệm xứ, học tiếng Pali và dạy tiếng Pali. Trong 40 năm cuộc đời bà chỉ làm ba việc đó thôi: không để cho người ta thấy A-tỳ-đàm khó học, không để cho người ta thấy tiếng Pali đáng sợ, không để cho người ta thấy Tứ niệm xứ là khó tu, khó hiểu.

Thì một đời Tăng sĩ hay cư sĩ, nếu làm được việc này thì tôi cho rằng nhắm mắt xuôi tay cũng vui. Thì tôi mong trong quyển Thiền môn Nhật tụng, bà con nào không có thời gian đi chùa, không có thời gian đọc kinh điển, hoặc mắc cái bệnh hội chứng sợ kinh. Ở Việt Nam có bệnh này rất nặng. Nghĩa là nghe ai mà đúc chuông, đúc tượng thì nhào tới bỏ tiền xằng xái đi. Mà cầm cuốn kinh thì mặt người nào người nấy xanh lè như tàu lá, nghe, gọi là hội chứng sutraphobia, hội chứng sợ kinh căn!

Tại

Sao có bài Kinh Quyết Trạch này?

Chánh kinh dạy:

“Này các tỳ kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết các duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt.

Này các tỳ kheo, cần phải biết cảm thọ, cảm thọ duyên khởi, cảm thọ sai biệt, cảm thọ dị thực, cảm thọ đoạn diệt”.

Cái thứ nhất là phải biết các dục.

Hồi này tôi giảng, các vị còn nhớ không? Toàn bộ thế giới này và vô lượng vũ trụ, cùng tất cả chúng sinh trong đó, thì gom gọn lại chỉ có sáu căn và sáu trần thôi. Sự gặp gỡ giữa sáu căn và sáu trần ấy gọi là “xúc”.

Đời sống của chúng ta hay cuộc tu hành của chúng ta nó chỉ đơn giản là lộ trình tiếp xúc giữa sáu căn và sáu trần thôi. Ngoài ra không là gì hết. Không là gì nữa, chỉ là lộ trình tiếp xúc giữa sáu căn và sáu trần.

Cho nên, tôi đã nói không biết bao nhiêu lần: tu hành là hành trình làm việc với sáu xúc, không sai. Tu hành là lộ trình làm việc với sáu “tướng”: sắc tướng, thanh tướng, không sai. Một lộ trình tu hành, là đời sống, là lộ trình làm việc của sáu “tư”.

Sáu “tư” tức là sáu cái nghiệp trong lúc sáu căn làm việc, tức là sắc tư, thanh tư, vị tư. Trong trường hợp nói tới “tư” là mình chỉ nghĩ đến nghiệp thiện, nghiệp ác thôi. Khi tôi nhìn cái gì đó, từ cái nhìn đó mà tôi tạo ra các nghiệp thiện, nghiệp ác. Thì lúc bấy giờ cái “tư” đó được gọi là đi ra từ nhãn căn.

Tôi nghe cái gì đó mà từ đó có thích, có ghét hoặc có tâm lành thì đó cũng là cái “tư”, mà cái tư từ nhĩ căn. Tôi ngửi cái mùi, tôi nếm cái vị, tôi xúc chạm, tôi suy tư, bất cứ lúc nào sáu căn tôi làm việc mà tôi có tâm lành hay tâm xấu, hoặc khó chịu, dễ chịu, thì lúc đó lành với xấu đó cũng được gọi là “tư”. Nhớ nghe!

Như vậy toàn bộ đời sống này mình có thể nói nó là một lộ trình làm việc của sáu “tư”, của sáu “tướng”, sáu “xúc”, sáu “thọ”, của sáu “ái” đều không sai. Các vị nghe kịp không?

Mà tại sao phải xé nó ra như vậy? Bởi vì có xé ra thì chúng ta mới thấy được: “Ồ, thì ra mình là đồ ráp”. Đó là thứ nhất. Thứ hai là phải xé nó ra để mình dễ dàng nhìn ra

vấn đề.

Như ngày hôm qua tôi đã nói rồi, có hai cách để giải quyết vấn đề. Một là bạch hóa, làm cho nó sáng, rọi sáng nó ra, đừng để một góc khuất, góc tù che kín nào hết. Hai là chia chẻ nhỏ, chia nhỏ vấn đề ra.

Đây là hai cách được dùng để giải quyết tất cả các vấn đề trên toàn thế giới trong vô lượng kiếp sanh tử. Có một điều là chúng ta làm được bao nhiêu mà thôi.

Hành trình tu hành và chứng Thánh cũng chỉ là hành trình thực hiện hai cái này. Một là bạch hóa vấn đề, soi rọi mọi góc kín. Hai là chia nhỏ vấn đề ra giải quyết.

Thí dụ một vị tỳ kheo đáp y rõ ràng đang thực hiện hai cái này. Một là bạch hóa vấn đề, nghĩa là kể từ bây giờ, đi biết là đi, ngồi biết là ngồi, tâm tham biết là tâm tham, sợ biết là sợ, giận biết là giận, thích biết là thích, tiếc biết là tiếc, thương biết là thương. Đó là bạch hóa vấn đề.

Đồng thời đi xuất gia cũng là chia nhỏ vấn đề. Chia nhỏ là sao? Hồi đó mình hay gom chung lắm. Đời tôi thế này, đời tôi thế kia, cầm đầu lo sự nghiệp, cầm đầu lo gia đình, lo mái ấm, lo cho vợ chồng, con cái. Còn bây giờ mình chia nhỏ nó ra. Khi đi, sống hết mình với chuyện đi, ngoài ra không biết chuyện gì hết. Khi ngồi, chỉ sống hết mình với chuyện ngồi, ngoài ra không biết gì hết. Cứ chia từng phần, từng phần để giải quyết. Các vị có hiểu không ta?

Thì ở trong bài kinh này, chuyện đầu tiên Ngài chia nhỏ, nói các dục. Ngài nói toàn bộ thế giới này là dục, là đủ rồi. Dục là “muốn”. Dục là sự thích thú trong cái này, cái kia.

Chuyện đầu tiên nói đến chữ “dục”, tu hành trên chữ “dục” là sao? Tôi nói gọn lại: vô lượng vũ trụ với tất cả chúng sanh, cùng tất cả những vấn đề trong đó, chỉ tập trung vô chữ “dục” mà thôi, là không sai. Vì dục là ước muốn. Chính ước muốn dẫn đến

hành động. Hành động dẫn đến kết quả. Và kết quả chính là toàn bộ vũ trụ mà mình nhìn thấy mỗi ngày, mình đang sống trong nó, sống cùng nó, với nó, bên cạnh nó.

Tại sao có kẻ sanh ra làm con giò, con bọ, con trùn, con dế, con chó, con heo? Tại sao có kẻ sanh ra làm ông hoàng, bà chúa, công hầu, khanh tướng, thầy chùa, du đãng, kỹ nữ, thương gia? Ở đâu vậy? Cũng là nghiệp. Một phần là nghiệp. Phần lớn là nghiệp quyết định.

Cho nên chuyện đầu tiên nói về dục, trước hết là nói về dục.

Dục đây là muốn này, muốn kia. Ngài nói dục có 5 loại, 5 dục trưởng dưỡng. Dục đây là cái mình muốn khi mình nhìn thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng.

Còn dục sai biệt là sao?

Dục sai biệt có nghĩa là cái thích trong đời này có nhiều kiểu thích. Do tiền nghiệp quá khứ, khuynh hướng tâm lý và môi trường sống hiện tại. Chính ba cái này mới khiến cho mình mạnh về cái phiền não nào trong ba cái tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi. Mạnh về cái thiện nào: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Và thích nhiều cái nào trong sắc, thanh, khí, vị, xúc. Chỉ cần các vị xê dịch một cái là nó ra một dạng. Dân giỏi toán nó làm cái này lạ lắm.

Thí dụ do tiền nghiệp chúng ta phải làm người Việt Nam. Chúng ta là nguyên cái room này, tổng cộng 50 người, là do cái nghiệp gì đó giống nhau đều làm người Việt Nam. Nhưng do khuynh hướng tâm lý, tiền nghiệp mình giống nhau làm người Việt Nam, nhưng ở miền nào, giới tính ra sao, nam hay nữ, hay giới tính giữa, vùng miền nào.

Xong rồi khuynh hướng tâm lý, có anh thì thích nhạc, có anh thì thích họa, anh thì xài nhiều con mắt, anh xài nhiều lỗ tai. Rồi chưa kể trong cái đám những anh mà thích con mắt, có anh thì thích đi du lịch, có anh thì thích chụp ảnh, có anh thích vẽ tranh,

thích trồng hoa, chơi đồ cổ, có anh thích chơi tiền xưa. Trong cái đám thích cảnh sắc đó là đã có tám muôn bốn ngàn hạng trong đó rồi.

Rồi trong đám thích âm thanh đó nó lại có tám muôn bốn ngàn cái thích, ý nói là số nhiều, là vô số trường hợp trong đó. Rồi thích mùi, rồi thích vị, rồi thích xúc, rồi thích suy tư. Đề tài có đề tài văn hóa, xã hội, chính trị, tôn giáo, triết học. Các vị nghe kịp không?

Cho nên từ ba điều kiện: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý và môi trường hiện tại mà dẫn tới ta thích cái này, thích cái kia. Chính từ cái thích đó, các vị thầy kinh nói: “Dục trên các sắc, dục trên các thanh, dục trên các xúc”. Và tôi đã nói không biết bao nhiêu lần mỗi phút.

Trong từng phút giây, nhớ dùm tâm niệm điều này: “Những gì ta đang thích, đang ghét trong từng phút giây, nó đã lặng lẽ, kín đáo mở ra một con đường về cho ta trong đời sau kiếp khác.” Câu thần chú này các vị phải xăm lên người, chớ không phải viết lên giấy đâu.

Những gì ta thích và ghét trong từng phút giây, nó đang kín đáo mở ra cho chúng ta một con đường về nơi chốn nào đó trong đời sau kiếp khác. Đừng coi thường nó. Nói là: “Ôi, tôi thích nó kìa. Làm gì mà đến đời sau kiếp khác!” Sai!

Tôi đã nói rồi. Anh thích cái gì, anh ghét cái gì, nó chưa đủ, nhưng những hành động thiện ác mà nó đi kèm với cái thích, cái ghét đó, nó tạo ra cái lộ trình tương lai cho anh. Nghe, anh nhớ cái đó nhe, rất là quan trọng, nhe!

Chớ đừng nói là: “Tôi thích trồng bông ở góc vườn nhà tôi. Tôi thích dọn dẹp nhà cửa, có gì đâu mà ông nói thấy ghê. Nhà tôi tôi dọn, chớ hông lẽ để như ổ chuột. Thì lúc dọn cũng hay hay, cuối tuần tôi dành thì giờ tôi dọn. Tôi thích dọn nhà lắm, thích hút bụi, thích chùi bông cửa sổ, lau dọn ban công, hành lang chút vậy đó. Đó là đúng. Hoặc là tôi thích nấu ăn. Tôi không nấu thì chồng con lấy gì ăn. Bà má già, bố

tôi lớn tuổi lấy gì họ ăn. Mà làm cái gì đến mức thích nấu ăn, thích dọn nhà... là một lộ trình sanh tử, gì ghê vậy?”

Dạ thưa, đúng như vậy. Đúng! Tôi đã nói rồi. Anh thích cái gì thì anh đã kín đáo tạo ra những cái ghét ngược lại. Không biết trong room có hiểu cái đó không ta? Vấn đề kẹt chỗ đó. Khi anh thích cái gì thì anh đã kín đáo tạo ra những cái ghét ngược lại.

Thí dụ tôi thích mát mẻ thì tôi ghét nóng nực. Mặc dù lúc này tôi không nói gì nóng nực, chỉ nói mát mẻ thôi. Tôi chỉ nói: “Quý vị biết không, tôi thích mát mẻ nè, tôi thích cao ráo nè, tôi thích rộng rãi nè, tôi thích thông thoáng nè...” Tôi kể toàn mấy cái thích, thì quý vị sẽ hiểu ngầm là những cái gì ngược lại cái cao ráo, cái thông thoáng, cái sạch sẽ, ngược lại cái rộng rãi là trầm ghét hết!

Và để giải quyết cái thích đó, giải quyết cái ghét đó, tôi đã làm bao nhiêu cái nghiệp thiện ác, các vị có biết không? Các vị đâu có biết! Các vị có biết tôi đã làm bao nhiêu cái chuyện gian ác để mà tôi có được nhà cao cửa rộng, rồi tôi về tôi hầu vợ, hầu con, hầu chồng. Các vị đâu có biết!

Cho nên các vị đâu có ngờ là cái chuyện tôi thích nấu ăn, thích chưng dọn nhà cửa, cái chuyện mà tôi thích mặc đẹp, thích shopping, kể cả cái chuyện window shopping, bên Đức nó kêu là liếc cửa sổ đó, đi nhìn thôi, thì cũng là một cái nghiệp. Nghe!

Bản thân cái thích là nó sẽ dẫn đến cái ghét. Mà thích ghét cộng lại, nó sẽ hướng dẫn hành động của chúng ta. Tin tôi đi. Nghe từng bước từng bước, mình chia nhỏ vấn đề ra. Bạch hóa vấn đề và chia nhỏ nó ra thì chuyện nào anh cũng giải quyết được.

Bây giờ anh thấy thích nằm ở đâu thì ghét núp lùm kế bên. Chính thích và ghét hướng dẫn hành động, hướng dẫn cảm xúc, hướng dẫn đời sống của anh. Anh sẽ làm cái này cái kia để mà giải quyết cái thích và cái ghét đó. Chạy theo cái thích và trốn chạy cái ghét. Cái chữ “dục” ở đây nó lớn chuyện lắm.

Dục và dục sai biệt

Cho nên ở đây Ngài nói chuyện đầu tiên là dục. Dục là đam mê trong các trần.

Thứ hai là dục sai biệt lắm. Sai biệt là very, very... nó đủ loại hết trơn. Người thì thích sắc, thanh, khí, vị, xúc. Rồi trong cái sắc là thiên hình vạn trạng. Với người thích dùng con mắt để thưởng thức cuộc đời thì anh thích nhìn cái này, anh thích nhìn cái kia.

Lỗi tai cũng vậy. Chỉ riêng trong cái đám thích nghe nhạc là mình đã thấy trùng trùng trong đó rồi. Nghe nhạc Tây, nhạc Tàu hay nhạc ta. Mà nhạc ta là nhạc gì? Nhạc buồn, dân ca, cải lương, Hồ Quảng, hát Bội, Quan họ Bắc Ninh, Mái nhì, Mái đẩy, ý mình thích cái gì. Chỉ riêng khoản nhạc thôi đó là mình đã thấy thiên hình vạn trạng rồi.

Cho nên mình phải biết “dục sai biệt” từ đâu ra? Từ cái suy tư sai biệt, sở thích sai biệt dẫn đến cái dục sai biệt.

Dục dị thực

Tiếp theo, “dục dị thực” là sao?

Mới vừa nói xong: khi mà cái thích của chúng ta không giống nhau thì “dục dị thực” là cái quả báo do các ước muốn đó đem lại cũng không giống nhau. Do anh thích cái này thì đương nhiên anh sẽ có những cái ghét ngược lại nó đi kèm theo đó. Giống như bánh xèo kèm đồng rau theo vậy đó.

Dục sai biệt là mình muốn tùm lum thì quả báo cũng tùm lum. Thích ăn ngon mà không tu hành sẽ sanh làm loài ăn tạp. Thích giữ của mà không tu tập, chết sẽ sanh làm loài có hang ổ, có tổ chức, quần thể. Nói vậy hiểu không ta?

Tức là có những loài bọ dâu sống đó, nhưng có những loài phải có hang. Như có những tổ chim làm công phu cực kỳ, hoặc con chuột hải ly là bậc thầy kiến trúc.

Tầm tầm con hải ly chừng một, hai ký thôi mà nó giỏi cực kỳ. Những công trình của nó đáng được xem là huyền thoại, là hoang đường trong trí tưởng tượng của tất cả kiến trúc sư trên toàn hành tinh. Bởi vì kích thước, trọng lượng và điều kiện làm việc của nó không là gì so với những gì nó làm được khi nó dựng tổ ở dưới nước.

Hoặc là tổ chim dòng dọc, hoặc tổ chức bầy đàn của con ong, con kiến, con mối mới thấy khiếp. Tức là cái tánh thích sở hữu nhà đất, bất động sản mà không có tu hành gì hết thì đời sau sanh làm những loài thích hang, thích ổ, thích tổ chức, thích quần thể vậy đó. Chứ không phải khơi khơi mà sanh vô đó. Nó phải có những cái thích, cái ghét thế nào mới dẫn tới nghiệp tương ứng. Và từ những nghiệp tương ứng nên nó mới có chỗ về tương ứng.

Có những người khéo tay cực kỳ mà họ không tu hành, họ về làm mấy loài động vật cũng khéo cực kỳ. Quý vị tìm đọc sách sẽ thấy trong thiên nhiên có những loài khéo cực kỳ, là cũng do nhiều đời nhiều kiếp rất khéo tay nhưng không tu hành gì hết, thì có sanh làm loài gì đi nữa cũng tiếp tục khéo tay. Đó là cái quả dị thực.

Mình thích cái gì thì đó là “dục”, chính cái thích đó đem lại cái quả là “dục dị thực”. Thích tu thiền thì về Phạm Thiên, đó chính là dục dị thực. Thích về các cõi Dục thiên rồi làm các hạnh lành trong Thập thiện để đời đời sanh ra hưởng quả nhân thiên, đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi, có nhan sắc, có quần là áo lụa, có lộc ăn, có quyền lực, có đời sống tình cảm như ý, thì tất cả những cái này đều là “dục dị thực”.

Có nghĩa là anh có muốn cái này cái nọ và anh có tạo công đức dính kèm. Còn không nữa thì giống như bánh xèo mà không rau vậy đó. Chỉ có cục bột gạo thôi, không có nghệ, không biết là cái bánh gì nữa.

Rồi có người khá khá chút, có thêm miếng bột nghệ. Khá khá chút thì có thêm miếng dầu bỏ vô chảo. Nhưng các vị biết, bánh xèo mà không có rau, không có nhân thì nó kỳ dữ lắm! Thì mình thích mà mình không có công đức thì y chang như người làm bánh xèo mà thiếu đủ thứ vậy đó.

Thế nào là xúc đoạn diệt?

“Xúc đoạn diệt” là từ đồng nghĩa của “chấm dứt sanh tử”. Vì sanh tử là sự có mặt của sáu căn, sáu trần. Mà sự gặp gỡ của sáu căn, sáu trần chính là sáu xúc. Cho nên khi nói “xúc đoạn diệt” cũng là nói sự vắng mặt của sáu căn, sáu trần. Trong room có hiểu không ta? Thì con đường dẫn đến sự kết thúc sáu xúc chính là con đường Bát Chánh Đạo.

“Kamanirodhanti kamanam nirodhane evam laddhanamam. Imasminhi thane brahmacariyasankhato maggova kamanirodhoti vutto”.

Cái đoạn Chú giải cô Giọt Mưa mới đưa lên đó, có nghĩa là do các dục anh mới tạo tùm lum nghiệp. Rồi từ đó anh mới có sáu căn, sáu trần. Từ sự gặp gỡ của sáu căn, sáu trần nó làm nên sáu xúc. Bây giờ nói rằng tu là diệt trừ sáu xúc, đúng không? Đúng! Tức là nói gọn của sự biến mất của sáu căn và sáu trần.

Mà anh muốn chấm dứt sáu căn, sáu trần thì sao? Chuyện đầu tiên là anh phải dẹp sáu ái, anh không còn thích nữa. Ghi nhớ câu này:

“Khi ta còn thích trong sáu trần thì đời sau ta tiếp tục có sáu căn, có hình hài với sáu căn mới. Còn sáu trần của kiếp sau là bất toại hay như ý thì tùy thuộc ta phước hay tội nhiều”.

Thí dụ thích ăn ngon mà không có phước thì phải ăn cái món không ra gì. Như có những người trên hành tinh này đói thì chỉ có mì gói thôi. Những người sống ở Ethiopia, Somali, Uganda, ngay cái ông Bắc Hàn, ông Venezuela, nhứt là châu Phi, nó đói, nó chỉ có côn trùng với vỏ cây, củ rễ mà nó hươ được thôi. Đôi khi ăn luôn những thứ có độc nữa. Cái rễ gì chua chua, ngọt ngọt là ăn. Con gì mà đưa cái lưng lên trời mà cắn vô không cay, không khó nuốt là cứ nuốt. Nướng được là nướng, ăn sống được là ăn sống.

Quý vị có tin không, con người mình đó? Vì là kiếp xưa cũng có sáu căn, cũng có đam mê sáu trần nhưng không có phước tu tập. Cho nên bây giờ sanh ra cũng có sáu căn, nhưng sáu căn, sáu trần của mình bị trục trặc, bị thiếu thốn nghiêm trọng.

Còn có nhiều người kiếp trước họ sống như thế nào đó, bây giờ họ sanh ra giàu có mà hưởng không được. Kẻ thì ăn được mà không được ăn. Có kẻ được ăn mà ăn không được. Tôi biết nhiều cảnh tang thương lắm.

Ngày xưa Việt Nam đói như quỷ, ăn cái gì cũng ngon mà không có gì để ăn. Tới lúc đi ra nước ngoài rồi thì muốn cái gì cũng có mà bác sĩ báo: “Nè, cholesterol nghe, nhin. Tiểu đường nghe, nhin. Cao máu nghe, nhin”. Coi như cấm một hồi chỉ còn có rau sống thôi. Mà thứ này tôi gặp một tỉ người, quý vị, đông như vậy, trong đám Việt Nam mình đó. Nhứt là ở Mỹ. Con cháu gì bác sĩ, kỹ sư không, mà cứ tới giờ ăn, bà già cơm không được ăn gạo Thái, mà phải ăn loại gạo tiểu đường, ăn với rau luộc, nước chấm phải là nước tương pha loãng ra. Chớ mà ăn mặn quá lên máu đi luôn.

Tức là có kiểu ăn được mà không được ăn, rồi được ăn mà ăn không được. Nó đủ thứ loại hết trơn! Lý do nguyên thủy là gì? Là kiếp xưa cũng có sáu căn như người ta nhưng không khéo tu tập. Vấn đề ở chỗ đó.

Cho nên đam mê trong sáu trần nhưng mà lại thiếu công đức, nên đời sau sanh ra cũng tiếp tục có sáu căn để có thân mạng mắt, tai, mũi, lưỡi như người ta, nhưng cái sáu trần bắt đầu có vấn đề. Sáu trần không được như ý. Mà không được như ý có nhiều lý do:

Một là không có cái để hưởng, phải hưởng cái tầm bậy.

Hai là có cái ngon lành nhưng cơ thể nó trục trặc.

Bây giờ đã đúng 4 giờ, phải xin bà con cho tôi nghỉ. Tôi có cái phước mà cũng có cái tội. Cái phước đó là tôi có bị tàn phế, có bị suy dinh dưỡng cùng cực, nhưng mà ngộ lắm, khi tôi dạy học, thuyết Pháp tôi rất là khỏe, cái phổi rất là mạnh. Có người quen

nói: “Nhìn Sư lơ đãng nhưng khi giảng Sư bật dậy giống như người khỏe mạnh vậy đó”. Nhưng sau khi giảng xong, bà con về hết, bắt đầu lê lết tắm thân tàn lụi đi về phòng nằm thoi thóp. Chuyện đó xảy ra nhiều năm nay rồi.

Bây giờ bắt đầu tôi sửa soạn lê cái thân già tôi về phòng thoi thóp đây.

Chúc các vị một ngày vui và hẹn gặp lại ngày mai.